

PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12.

Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án trả lời

Câu 1. Thực vật được chia thành các ngành nào?

- A. Nấm, Rêu, Tảo và Hạt kín.
- B. Rêu, Dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín.
- C. Hạt kín, Quyết, Hạt trần, Nấm.
- D. Nấm, Dương xỉ, Rêu, Quyết.

Câu 2. Trong các nhóm cây sau đây, nhóm gồm các cây thuộc ngành Hạt kín là?

- A. Cây dương xỉ, cây hoa hồng, cây ổi, cây rêu.
- B. Cây nhãn, cây hoa ly, cây bào tằm, cây vạn tuế.
- C. Cây bưởi, cây táo, cây hồng xiêm, cây lúa.
- D. Cây thông, cây rêu, cây lúa, cây vạn tuế.

Câu 3. Tập hợp các loài nào sau đây thuộc lớp Động vật có vú (Thú)?

- A. Tôm, muỗi, lợn, cừu.
- B. Bò, châu chấu, sư tử, voi.
- C. Cá voi, vịt trời, rùa, thỏ.
- D. Gấu, mèo, dê, cá heo.

Câu 4. Nhóm động vật nào sau đây có số lượng loài lớn nhất?

- A. Nhóm chân khớp.
- B. Nhóm cá.
- C. Nhóm giun.
- D. Nhóm ruột khoang.

Câu 5. Rừng tự nhiên không có vai trò nào sau đây?

- A. Điều hòa khí hậu.
- B. Cung cấp đất phi nông nghiệp.
- C. Bảo vệ đất và nước trong tự nhiên.
- D. Là nơi ở của các loài động vật hoang dã.

Câu 6. Việt Nam có độ đa dạng sinh học xếp thứ bao nhiêu trên thế giới?

- A. 17.
- B. 16.
- C. 18.
- D. 15.

Câu 7. Thực vật góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường bằng cách:

- A. Giảm bụi và khí độc, tăng hàm lượng CO_2 .
- B. Giảm bụi và khí độc, cân bằng hàm lượng CO_2 và O_2 .
- C. Giảm bụi và khí độc, giảm hàm lượng O_2 .
- D. Giảm bụi và sinh vật gây bệnh, tăng hàm lượng CO_2 .

Câu 8. Đặc điểm nào không được dùng để phân loại các nhóm Thực vật?

- A. Có mạch dẫn hoặc không có mạch dẫn.
- B. Có hạt hoặc không có hạt.
- C. Có rễ hoặc không có rễ.
- D. Có hoa hoặc không có hoa.

Câu 9. Ví dụ nào dưới đây nói về vai trò của động vật với tự nhiên?

- A. Động vật cung cấp nguyên liệu phục vụ cho đời sống.
- B. Động vật có thể sử dụng để làm đồ mỹ nghệ, đồ trang sức.
- C. Động vật giúp con người bảo vệ mùa màng.
- D. Động vật giúp thụ phấn và phát tán hạt cây.

Câu 10. Điều không phải là cơ chế giúp thực vật có thể hạn chế xói mòn?

- A. Tán cây giúp cản dòng nước mưa dội trực tiếp vào bề mặt đất.

B. Cành và thân cây giúp nước mưa chảy xuống lớp thảm mục, ngấm vào lòng đất và hoà cùng mạch nước ngầm.

C. Tảo chất dinh dưỡng, phù sa bồi đắp cho đất ven bờ biển.

D. Rễ cây giúp giữ đất không bị rửa trôi trước sức chảy của dòng nước.

Câu 11. Tại sao san hô giống thực vật nhưng lại được xếp vào nhóm Ruột khoang?

A. Sinh sản bằng cách nảy mầm.

B. Có khả năng quang hợp.

C. San hô dùng xúc tu quanh miệng để bắt mồi và tiêu hoá chúng.

D. San hô có ruột rộng.

Câu 12. Hai đội chơi kéo co. Đội đỏ kéo về bên trái, đội xanh kéo về bên phải. Khi đó ta nói lực kéo của hai đội?

A. Cùng phương ngang, cùng chiều.

B. Cùng phương ngang, ngược chiều.

C. Cùng phương thẳng đứng, cùng chiều.

D. Cùng phương thẳng đứng, ngược chiều.

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng sai: Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 14.

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13. Các phát biểu sau là đúng hay sai?

a) Ổ dương xỉ, các túi bào tử nằm ở mặt dưới của lá.

b) Rêu có mạch, có rễ thật và sinh sản bằng bào tử.

c) Dựa vào vị trí của hạt để phân biệt hạt kín và hạt trần.

d) Thực vật hạt kín tiến hoá hơn cả vì có cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản cấu tạo phức tạp, đa dạng.

Câu 14. Các phát biểu sau là đúng hay sai?

a) Lực chỉ có tác dụng làm vật biến đổi chuyển động.

b) Lực xuất hiện trong kéo co làm thay đổi hình dạng vật.

c) Lực của đầu tàu tác dụng lên toa tàu là lực kéo.

d) Khi xách một thùng nước thì chỗ lòng bàn tay tiếp xúc với quai thùng bị lõm xuống.

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn: Thí sinh trả lời từ câu 15 đến câu 17

Câu 15.

a. Bộ phận nào dưới đây chỉ xuất hiện ở ngành Hạt trần mà không xuất hiện ở các ngành khác?

b. Ở Việt Nam đã phát hiện bao nhiêu loài thực vật?

c. Thực vật có mạch được chia thành mấy nhóm chính?

d. Thực vật ở cạn đầu tiên là?

Câu 16.

a. Bộ khung của cá mập được cấu thành từ gì cho phép chúng vận động linh hoạt dưới nước?

b. Sử dụng loại sơn gì để tàu không bám vào tàu thuyền?

Câu 17. Dựa vào các kiến thức về lực trả lời các câu hỏi sau:

a. Muốn đo lực ta dùng dụng cụ nào?

b. Khi người thợ bắt đầu kéo thùng hàng từ dưới đất lên sàn ô tô, người thợ đó đã tác dụng vào thùng hàng một lực gì?

PHẦN IV: Tự luận. Viết câu trả lời hoặc lời giải cho các bài tập sau

Câu 18.

a. Nêu một số đặc điểm của thực vật có mạch.

b. Nêu một số tác hại của động vật trong tự nhiên và đời sống.

Câu 19. Đề xuất các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.

Câu 20. Lấy một ví dụ về lực không tiếp xúc?

-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II

NĂM HỌC 2024 – 2025

Môn: KHTN – lớp 6

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12 (Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Chọn	B	C	D	A	B	B	B	C	D	C	C	B

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 14. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

- Thí sinh lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.

Câu	13	14
a)	Đ	S
b)	S	S
c)	Đ	Đ
d)	Đ	Đ

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 15 đến câu 17.

Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm.

Câu 15.

- a. Noãn.
- b. Tảo lục đa bào nguyên thủy.
- c. Khoảng 12000 loài.
- d. 2.

Câu 16.

- a. Sụn.
- b. Sơn chống hà.

Câu 17.

- a. Lực kéo.
- b. Lực kéo.

PHẦN IV: Tự luận. Viết câu trả lời hoặc lời giải cho các bài tập sau

	Nội dung	Điểm
Câu 18	a.	
	- Thực vật có mạch là nhóm các loài thực vật có thân, lá, rễ thật và cơ thể có mạch dẫn.	0,25
	- Dương xỉ là đại diện của nhóm thực vật có mạch; sinh sản bằng bào tử (0,25). Chúng thường sống ở những nơi ẩm, mát như: bờ ruộng, chân tường, dưới tán rừng (0,25)	0,5
	b.	
	- Giun kí sinh gây bệnh ở người	0,25
	- Bọ chét là trung gian truyền nhiễm bệnh dịch hạch	0,25
	- Ốc bươu vàng gây hại lúa	0,25
	- Rận các và giáp xác chân chèo kí sinh trên cá	0,25
Câu 19	- Nghiêm cấm phá rừng để bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật.	0,25
	- Cấm săn bắt, buôn bán, sử dụng trái phép các loài động vật hoang dã.	0,25
	- Xây dựng các khu bảo tồn nhằm bảo vệ các loài sinh vật, trong đó có các loài quý hiếm.	0,25
	- Tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong nhân dân để mọi người tham gia bảo vệ rừng.	0,25
Câu 20	Quả táo rơi từ trên cây xuống.	0,25

Lưu ý: - Không làm tròn tổng điểm toàn bài.

- Học sinh trình bày hoặc giải bằng cách khác **đúng** cho điểm tương đương.

KHUNG MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KHẢO SÁT GIỮA HỌC KÌ II

a) Khung ma trận

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra giữa học kì 2.

- Thời gian làm bài: 60 phút.

- Hình thức kiểm tra: 70% trắc nghiệm, 30% tự luận

- Cấu trúc:

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.

- Phần trắc nghiệm gồm 3 phần

+ Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3 điểm). (4 phương án chọn 1 đáp án đúng) gồm 12 câu; mỗi câu đúng 0,25 điểm.

+ Phần II: Câu trắc nghiệm đúng, sai (2 điểm). Gồm 2 câu, mỗi câu gồm 4 ý a, b, c, d. Chọn “Đúng” hoặc “Sai”. Trong một câu đúng 1 ý chỉ được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25 điểm, đúng 3 ý được 0,5 điểm và đúng cả 4 ý được 1 điểm.

+ Phần III: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn (2 điểm). Gồm 3 câu đúng mỗi ý 0,25 điểm.

- Phần tự luận gồm 3 câu

+ Phần IV: Tự luận (3 điểm)

(Chú thích các kí hiệu trong khung ma trận và bản đặc tả: PA là trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (4 phương án chọn 1 đáp án đúng); ĐS là trắc nghiệm lựa chọn đúng, sai; TLN là trắc nghiệm trả lời ngắn)

T T	Chủ đề/ Chươn g	Nội dun g/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá											Tổng			Tỉ lệ % điể m	
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			“Đúng - Sai”			Trả lời ngắn									
			Biế t	Hiể u	Vậ n dụn g	Biế t	Hiể u	Vậ n dụ ng	Biế t	Hiể u	Vậ n dụn g	Biế t	Hiể u	Vậ n dụn g	Biế t	Hiể u		Vậ n dụ ng
1	Đa dạng thể giới sống (22 tiết)		1,0	1,0	0,75	0,5	0,25	0,25	0,7 5	0,25	0,5	0,7 5	1,0	1,0	3,0	2,5	2,5	80
2	Lực (5 tiết)			0,25		0,5	0,25	0,25	0,2 5		0,25	0,2 5			1,0	0,5	0,5	20
Tổng số câu/Số ý			4	5	3	4	2	2	4	1	3	4	4	4	16	12	12	40
Tổng số điểm			3,0			2,0			2,0			3,0			4,0	3,0	3,0	10
Tỉ lệ %			30%			20%			20%			30%			40 %	30%	30%	100 %

b) Bản đặc tả

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
1.	Đa dạng thể giới sống	1. Đa dạng thực vật: - Sự đa dạng.	Nhận biết: - Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường.

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
		- Thực hành.	trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, cây gây rừng, ...). Thông hiểu: - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín). Vận dụng: - Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại học.
		2. Đa dạng động vật: - Sự đa dạng. - Thực hành.	Nhận biết: - Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống. - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình. - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình. Thông hiểu: - Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và động vật có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa. Vận dụng: - Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên.
		3. Vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên.	Nhận biết: Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, ...).
		4. Bảo vệ đa dạng sinh học	Vận dụng: Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học (từ góc độ của thông hiểu)
		5. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.	Nhận biết: - Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...). Thông hiểu: - Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại sinh vật. - Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên. Vận dụng:

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
			<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sự sống ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, kính hiển vi, kính hiển vi điện tử, kính hiển vi quang học; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận. - Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống). - Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.
2.	Lực	1. Lực và tác dụng của lực	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo. - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi vận tốc chuyển động. - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của lực kéo hoặc đẩy. - Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế (thực hiện đúng cách, không yêu cầu tìm sai số). <p>Vận dụng:</p> <p>Giải thích các hiện tượng sự vật trong đời sống dựa trên tác dụng của lực</p>
		2. Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc. - Lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc. - Nêu được: Lực tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực. - Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực.

ĐỀ 2**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II****NĂM HỌC 2024-2025****MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6**

PHẦN I: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3,0 điểm): Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 1 phương án trả lời.

Câu 1. Đặc điểm nào dưới đây không phải của giới Nấm

A. Nhân thực

C. Đơn bào hoặc đa bào

B. Dị dưỡng

D. Có sắc tố quang hợp

Câu 2. Vòng cuống nấm và bao gốc nấm là đặc điểm có ở loại nấm nào?

A. Nấm độc.

B. Nấm đơn bào

C. Nấm mốc

D. Nấm ăn được

Câu 3. Thực vật được chia thành các ngành nào?

- A. Rêu, Dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín.
- B. Nấm, Rêu, Tảo và Hạt kín.
- C. Hạt kín, Quyết, Hạt trần, Nấm.
- D. Nấm, Dương xỉ, Rêu, Quyết.

Câu 4. Đặc điểm nổi bật của nhóm thực vật hạt kín là gì?

- A. Chúng không có hoa.
- B. Quả không chứa hạt.
- C. Hạt được bao bọc trong quả.
- D. Chỉ leo trên giàn.

Câu 5. Đặc điểm nào sau đây là đặc trưng của nhóm thực vật có hoa?

- A. Không có hoa, quả hoặc hạt.
- C. Có rễ, thân, lá nhưng không có hoa.
- B. Có hoa, quả và hạt.
- D. Có thân cứng, không có lá.

Câu 6. Loài thực vật nào thuộc nhóm thực vật rêu?

- A. Hoa mai
- B. Dương xỉ
- C. Thông
- D. Rêu mọc

Câu 7. Động vật nào sau đây gây ra dịch bệnh cho con người ?

- A. Mèo.
- B. Muỗi.
- C. Ngựa.
- D. Cừu

Câu 8. Đa dạng sinh học trong tự nhiên có vai trò quan trọng nào đối với môi trường sống?

- A. Tạo ra sự cân bằng sinh thái và duy trì chuỗi thức ăn.
- B. Giúp các loài động vật tiêu diệt nhau.
- C. Tạo ra các yếu tố gây hại cho con người.
- D. Tăng cường ô nhiễm môi trường.

Câu 9. Một trong những vai trò của đa dạng sinh học trong việc bảo vệ môi trường là gì?

- A. Làm giảm khả năng gây ra bão.
- C. Làm tăng nhiệt độ toàn cầu.
- B. Giảm thiểu sự ô nhiễm không khí, nước.
- D. Cản trở sự phát triển của con người.

Câu 10. Đa dạng sinh học có vai trò gì trong cung cấp thức ăn cho con người?

- A. Cung cấp thực phẩm từ các loài động vật và thực vật.
- B. Chỉ cung cấp thực phẩm từ động vật.
- C. Chỉ cung cấp thực phẩm từ thực vật.
- D. Không cung cấp thức ăn cho con người.

Câu 11. Đáp án nào dưới đây là ví dụ về lực không tiếp xúc?

- A. Lực đàn hồi khi kéo giãn dây thun.
- B. Lực điện giữa hai quả cầu mang điện.
- C. Lực ma sát khi kéo một vật trên mặt đất.
- D. Lực cản của không khí đối với một chiếc máy bay.

Câu 12. Lực nào sau đây làm thay đổi hướng chuyển động?

- A. Một chiếc xe đang di chuyển trên đường cong.
- B. Một quả bóng bị đá bay đi.
- C. Một chiếc bàn bị đẩy ra ngoài.
- D. Một cây bút bị uốn cong khi bị bẻ.

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng sai (3 điểm): Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13.

- a. Bóng đang lăn trên sân, lực cản của cỏ trên sân làm bóng chuyển động chậm dần.
- b. Lực của tay người bắn cung tác dụng lên dây cung có phương thẳng đứng.
- c. Độ dẫn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng vật treo.
- d. Kéo dẫn dây cao su, dây cao su không bị biến dạng.

Câu 14. Khó khăn phân là công cụ dùng để?

- a. Phân loại các loài sinh vật dựa trên đặc điểm hình thái.
- b. Xác định các nhóm sinh vật dựa trên gen.

c. Dự đoán hành vi của sinh vật trong môi trường tự nhiên.

d. Phân tích thành phần hoá học của sinh vật.

Câu 15.

a. Lò xo chỉ có thể bị kéo dãn, không thể bị nén lại.

b. Quả bóng cao su có thể biến dạng giống như biến dạng của lò xo.

c. Lực của lò xo tác dụng lại tay được gọi là lực đàn hồi của lò xo.

d. Khi lực tác dụng lên lò xo vượt quá giới hạn đàn hồi, lò xo sẽ

không còn trở về hình dạng ban đầu khi lực được loại bỏ.

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn (1 điểm): Thí sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19.

Câu 16.

Thực vật không có mạch (Rêu) không có hệ thống mạch dẫn (xylem và phloem), có kích thước nhỏ, phát triển chủ yếu ở môi trường.....

Câu 17.

Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ) có hệ thống mạch dẫn phát triển, có lá phát triển và sản xuất bào tử để

Câu 18.

Bác Phương đang đẩy một chiếc xe, bác ấy đã tạo ra

Câu 19.

Một quả bóng bị đá văng ra theo hướng khác sau khi va chạm với một

PHẦN IV. Tự luận (3,0 điểm): Viết câu trả lời hoặc lời giải cho các bài tập sau

Câu 20 (1,0 điểm). Em hãy phân biệt động vật không xương sống và động vật có xương sống?

Câu 21 (1,0 điểm). Sắp xếp các loài thực vật: rêu tường, lúa, đậu tương, bèo ong, hoa hồng, vạn tuế, bưởi, thông, cau vào các ngành thực vật phù hợp theo mẫu bảng sau:

Ngành	Rêu	Dương xỉ	Hạt trần	Hạt kín
Loài				

Câu 22 (1,0 điểm).

Treo một quả cân 100 g vào một lực kế thì kim của lực kế chỉ vạch thứ 2

a, Nếu treo thêm quả cân 50 g vào lực kế thì kim của lực kế chỉ vạch thứ bao nhiêu?

b, Khi kim của lực kế chỉ vạch thứ 5 thì tổng khối lượng của các quả cân đã treo vào lực kế là bao nhiêu?

-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 – 2025

Môn: KHTN – lớp 6

Phần I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3,0 điểm)

- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	A	A	C	B	D
Câu	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	A	B	A	B	A

Phần II. Trắc nghiệm đúng sai (3,0 điểm)

Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15. Trong mỗi ý A), B), C), D) ở mỗi câu thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu	13	14	15
Đáp án	a) Đ b) S c) Đ d) S	a) Đ b) S c) S d) S	a) S b) Đ c) Đ d) Đ

Phần III. Trắc nghiệm trả lời ngắn: Thí sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19

Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm

Câu	16	17	18	19
Đáp án	âm ướt	sinh sản	lực đẩy	vật cản

Phần IV. Tự luận:

Câu	Đáp án		Điểm
20	Động vật không xương sống	Động vật có xương sống	
	- Hệ thống xương trong nâng đỡ cơ thể không phát triển.	- Hệ thống xương trong nâng đỡ cơ thể phát triển.	0.5
	- Không có xương cột sống.	- Có xương cột sống ở dọc lưng. Trong cột sống có chứa tủy sống.	0.5
21	- Rêu: rêu tường - Dương xỉ: bèo ong - Hạt trần: thông, vạn tuế - Hạt kín: lúa, đậu tương, bưởi, cau, hoa hồng		0.25
			0.25
			0.25
			0.25
22	a) - 1 vạch trên lực kế ứng với: $100 : 2 = 50$ (g) - Nếu treo thêm quả cân 50 g vào lực kế thì kim của lực kế chỉ vạch thứ 3 b) - Khi kim của lực kế chỉ vạch thứ 5 thì tổng khối lượng của các quả cân đã treo vào lực kế là: $50 \times 5 = 250$ (g)		0.5
			0.5

KHUNG MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KHẢO SÁT GIỮA HỌC KÌ II

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6

a) Khung ma trận

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra giữa học kì 2.
- Thời gian làm bài: 60 phút.
- Hình thức kiểm tra: 70% trắc nghiệm, 30% tự luận
- Cấu trúc:
 - Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.
 - Phần trắc nghiệm gồm 3 phần
 - + Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3 điểm). (4 phương án chọn 1 đáp án đúng) gồm 12 câu; mỗi câu đúng 0,25 điểm.

- + Phần II: Câu trắc nghiệm đúng, sai (3 điểm). Gồm 3 câu, mỗi câu gồm 4 ý a, b, c, d. Chọn “Đúng” hoặc “Sai”. Trong một câu đúng 1 ý chỉ được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25 điểm, đúng 3 ý được 0,5 điểm và đúng cả 4 ý được 1 điểm.
- + Phần III: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn (1 điểm). Gồm 4 câu đúng mỗi ý 0,25 điểm.
- Phần tự luận gồm 3 câu
- + Phần IV: Tự luận (3 điểm)

Chủ đề	Số tiết	MỨC ĐỘ							
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao	
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm
Đề 33. TH: Quan sát các đại lượng	2		2 C1,C2						
Đề 34, 35. Thực vật. TH: Quan sát và phân biệt một nhóm thực vật	7		4 C3,C4, C5,C6		2 C16,C17			1 C21	
Đề 36, 37. Động vật. TH: Quan sát và nhận biết một nhóm động vật ngoài thiên nhiên	4		1 C7			1 C20			
Đề 38, 39. Đa dạng sinh học. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	5		3 C8,C9, C10		1 C14				
Đề 40, 41. Lực là gì? Biểu diễn lực	5	1 ý C22b	2 C11, C12	1 ý C22a			1 C13		
Đề 42. Biến dạng của lò xo	3		2 C18,C19		1 C15				
Điểm số		0,5	3,5	0,5	2,5	1	1	1	0
Tổng số điểm		4,0 điểm		3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm	

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		TL (ý số)
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	

. TH: át các m	Nhận biết	-Nêu được một số bệnh do nấm gây ra. - Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm. - Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...). - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra.		2	
	Vận dụng	-Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp).			
	Vận dụng cao	-Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ...			
, 35, 38, ực vật. uan sát và iết một số thực vật	Nhận biết	- Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...).		4	
	Thông hiểu	- Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín).		2	
	Vận dụng	- Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học.			
	Vận dụng cao	- Phân biệt các mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo khoá lưỡng phân.	1		C21
, 37. ật. TH: át và iết một số động vật hiên	Nhận biết	- Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống. - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun, Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên 1 số con vật điển hình. - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.		1	
	Thông hiểu	- Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa.	1		C20
	Vận dụng	- Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên.			

Đa dạng	Nhận biết	Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, ...).		3	
	Vận dụng	Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học. (động từ của thông hiểu)			
Tìm nh vật hiên	Nhận biết	- Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...).			
	Thông hiểu	- Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật. - Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên.		1	
	Vận dụng	- Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận. - Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống). - Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.			
, 41, 42. gì? Biểu c. Biến ủa lò xo.	Nhận biết	- Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo. - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ. - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động. - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật. - Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc. - Lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc. - Nêu được: Lực tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực. - Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực.		4	
	Thông hiểu	- Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy. - Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).	2 ý		C22
	Vận dụng	- Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật trong thực tế và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp đó.		1	

ĐỀ 3**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2024-2025****MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6****PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn:****Câu 1.** Thực vật có mạch dẫn, có hạt, không có hoa là

- A. Cây rêu. B. Cây dương xỉ. C. Cây thông. D. Cây cà chua.

Câu 2. Đặc điểm nào dưới đây **không** phải của các thực vật thuộc ngành Hạt kín?

- A. Sinh sản bằng bào tử B. Hạt nằm trong quả
C. Có hoa và quả D. Thân có hệ mạch dẫn hoàn thiện

Câu 3. Trong những nhóm cây sau đây, nhóm gồm các cây thuộc ngành Hạt kín là:

- A. Cây dương xỉ, cây hoa hồng, cây ổi, cây rêu.
B. Cây bưởi, cây táo, cây hồng xiêm, cây lúa.
C. Cây nhãn, cây hoa ly, cây bèo tấm, cây vạn tuế.
D. Cây thông, cây rêu, cây lúa, cây vạn tuế.

Câu 4. Cá sấu thuộc lớp động vật nào sau đây?

- A. Cá B. Lưỡng cư C. Bò sát D. Động vật có vú

Câu 5. Thực vật góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường bằng cách:

- A. Giảm bụi và khí độc, tăng hàm lượng CO₂
B. Giảm bụi và khí độc, cân bằng hàm lượng CO₂ và O₂
C. Giảm bụi và khí độc, giảm hàm lượng O₂
D. Giảm bụi và sinh vật gây bệnh, tăng hàm lượng CO₂.

Câu 6. Tập hợp các loài nào sau đây thuộc lớp Động vật có vú (Thú)?

- A. Tôm, muỗi, lợn, cừu B. Bò, châu chấu, sư tử, voi
C. Gấu, mèo, dê, cá heo D. Cá voi, vịt trời, rùa, thỏ

Câu 7. Cơ thể đối xứng toả tròn, khoang cơ thể thông với bên ngoài qua lỗ mở ở phần trên gọi là miệng là đặc điểm của ngành động vật nào sau đây?

- A. Ruột khoang B. Giun dẹp C. Giun đốt D. Thân mềm

Câu 8. Thực vật có mạch bao gồm:

- A. Rêu, dương xỉ, hạt trần, hạt kín.
B. Dương xỉ, hạt trần, hạt kín.
C. Hạt trần với hệ mạch phát triển, chưa có hoa và quả.
D. Hạt kín có cấu tạo hoàn thiện, có hoa, quả và hạt.

Câu 9. Hành động nào dưới đây là hành động bảo vệ đa dạng sinh học?

- A. Đốt rừng làm nương rẫy B. Xây dựng nhiều đập thủy điện
C. Trồng cây gây rừng D. Biến đất rừng thành đất phi nông nghiệp

Câu 10. Trong các sinh cảnh sau, sinh cảnh nào có đa dạng sinh học lớn nhất?

- A. Hoang mạc B. Rừng ôn đới C. Rừng mưa nhiệt đới D. Đài nguyên

Câu 11. Sự đa dạng của động vật thể hiện rõ nhất ở

- A. cấu tạo cơ thể và số lượng loài.
B. số lượng loài và môi trường sống.
C. môi trường sống và hình thức dinh dưỡng.
D. hình thức dinh dưỡng và hình thức di chuyển.

Câu 12. Phát biểu nào sau đây là **không** đúng?

- A. Lực chỉ có tác dụng làm vật biến đổi chuyển động.
B. Tác dụng đẩy, kéo của vật này lên vật khác gọi là lực.
C. Lực được phân thành: lực không tiếp xúc và lực tiếp xúc.
D. Lực có thể vừa làm cho vật biến dạng vừa làm cho vật biến đổi chuyển động.

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng sai:**Câu 13.** Cây dương xỉ là một đại diện của nhóm thực vật thuộc ngành dương xỉ. bạn An có những nhận xét sau:

- a. Dương xỉ thường sống ở nơi ẩm ướt và mát.
 b. Cơ quan sinh sản của dương xỉ là bào tử, nằm ở ngọn cây.
 c. Cơ quan sinh dưỡng của dương xỉ bao gồm rễ, thân và lá.
 d. Lá non của dương xỉ có đặc điểm là cuộn tròn ở đầu lá.

Câu 14. Khi cầu thủ đá vào bóng đang đứng yên, cầu thủ đã tác động một lực lên bóng.

- a. Lực có thể làm thay đổi hướng chuyển động của quả bóng
 b. Lực không thể thay đổi hình dạng quả bóng
 c. Lực có thể làm bóng chuyển động nhanh hơn hoặc chậm lại
 d. Bóng sẽ luôn chuyển động theo hướng cầu thủ đá.

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn:

Câu 15. Dựa vào sự đa dạng thực vật để trả lời các câu hỏi sau:

- a. Cây rêu thường mọc ở nơi có điều kiện như thế nào?
 b. Rễ, thân, lá phát triển đa dạng; có hoa, quả, hạt; hạt nằm trong quả là đặc điểm của ngành thực vật nào?

Câu 16. Dựa vào sự đa dạng động vật để trả lời các câu hỏi sau:

- a. Cá voi là đại diện của lớp động vật nào ?
 b. Cá đuối là đại diện của lớp động vật nào ?
 c. Cho một số loài động vật sau: mực, cá chép, tôm, hàu biển, bò, lợn, gà, ếch đồng. Số lượng động vật thuộc nhóm động vật không xương sống là bao nhiêu?
 d. Cơ thể phân đốt, thường sống ở môi trường ẩm ướt là đặc điểm của ngành nào?

Câu 17. Dựa vào các kiến thức về lực trả lời các câu hỏi sau:

- a. Muốn đo lực ta dùng dụng cụ nào?
 b. Khi đi siêu thị mua hàng, người mẹ dùng một chiếc thùng di chuyển đựng đồ. Lực mà người mẹ tác dụng vào thùng đựng đồ đó là lực gì?

PHẦN IV: Tự luận. *Viết câu trả lời hoặc lời giải cho bài tập sau*

Câu 18. Trình bày vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên? Vì sao cần phải bảo vệ đa dạng sinh học?

Câu 19. Sắp xếp các loài thực vật: rêu tường, lúa, bèo ong, hoa hồng, vạn tuế, bưởi, thông vào các ngành thực vật phù hợp theo mẫu của bảng sau:

Ngành	Rêu	Dương xỉ	Hạt trần	Hạt kín
Loài				

Câu 20. Em hãy nêu tên đơn vị đo lực? Nêu một ví dụ trong thực tế về lực tác dụng lên một vật làm vật thay đổi chuyển động?

--- HẾT ---

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II

NĂM HỌC 2024 – 2025

Môn: KHTN – lớp 6

PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	A	B	C	B	C	A	B	C	C	B	A

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng sai:

Câu	13	14
a)	Đ	Đ
b)	S	S
c)	Đ	Đ
d)	Đ	S

Chú ý: Mỗi câu làm đúng 1 ý chỉ được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25 điểm, đúng 3 ý được 0,5 điểm và đúng cả 4 ý thì được 1 điểm.

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn: (mỗi ý đúng 0,25 điểm)

Câu 15.

- a. nơi ẩm ướt
- b. Hạt kín

Câu 16.

- a. lớp Thú
- b. lớp cá sụn
- c. 3
- d. giun đốt

Câu 17.

- a. Lực kế
- b. Lực đẩy hoặc lực kéo.

PHẦN IV: Tự luận. Viết câu trả lời hoặc lời giải cho các bài tập sau

	Nội dung					Điểm
Câu 18	Vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên: - Điều hoà khí hậu. - Bảo vệ đất và nguồn nước. - Là nơi ở của nhiều loài sinh vật. - Phân huỷ chất thải hoặc xác động vật, thực vật thành chất đơn giản giúp đất thêm màu mỡ và làm sạch môi trường.					0,25 0,25 0,25 0,25
	Cần bảo vệ đa dạng sinh học vì: + Bảo tồn đa dạng sinh học là bảo vệ nguồn tài nguyên sinh vật, giúp giữ gìn ổn định môi trường tự nhiên. + Giúp đảm bảo sự phát triển bền vững của con người.					0,25 0,25
Câu 19	Ngành	Rêu	Dương xỉ	Hạt trần	Hạt kín	Mỗi ý đúng 0,25
	Loài	Rêu tường	Bèo ong	Vạn tuế	Lúa, hoa hồng, bưởi	
Câu 20	- Đơn vị đo của lực là Niu tơn, kí hiệu là N - Một học sinh đá quả bóng đang nằm im trên sân làm bóng lăn đi.					0,25đ
						0,25đ

KHUNG MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KHẢO SÁT GIỮA HỌC KÌ II
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6

a) Khung ma trận

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa học kì 2.

- **Thời gian làm bài:** 60 phút.

- **Hình thức kiểm tra:** 70% trắc nghiệm, 30% tự luận

- Cấu trúc:

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.

- Phần trắc nghiệm gồm 3 phần

+ Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3 điểm). (4 phương án chọn 1 đáp án đúng) gồm 12 câu; mỗi câu đúng 0,25 điểm.

+ Phần II: Câu trắc nghiệm đúng, sai (2 điểm). Gồm 2 câu, mỗi câu gồm 4 ý a, b, c, d. Chọn “Đúng” hoặc “Sai”. Trong một câu đúng 1 ý chỉ được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25 điểm, đúng 3 ý được 0,5 điểm và đúng cả 4 ý được 1 điểm.

+ Phần III: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn (2 điểm). Gồm 3 câu đúng mỗi ý 0,25 điểm.

- Phần tự luận gồm 3 câu

+ Phần IV: Tự luận (3 điểm)

(Chú thích các kí hiệu trong khung ma trận và bản đặc tả: PA là trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (4 phương án chọn 1 đáp án đúng); ĐS là trắc nghiệm lựa chọn đúng, sai; TLN là trắc nghiệm trả lời ngắn)

T T	Chủ đề/ Chương	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									
			TNKQ									
			Nhiều lựa chọn			“Đúng - Sai”			Trả lời ngắn			
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết
1	Đa dạng thế giới sống (22 tiết)		1,0	1,0	0,75	0,5	0,25	0,25	0,75	0,25	0,5	0,75
2	Lực (5 tiết)			0,25		0,5	0,25	0,25	0,25		0,25	0,25
Tổng số câu/Số ý			4	5	3	4	2	2	4	1	3	4
Tổng số điểm			3,0			2,0			2,0			
Tỉ lệ %			30%			20%			20%			

b) Bản đặc tả

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
1.	Đa dạng thế giới sống	1. Đa dạng thực vật: <ul style="list-style-type: none"> - Sự đa dạng. - Thực hành. 	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống con người và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...). Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín). Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân biệt được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại học.
		2. Đa dạng động vật: <ul style="list-style-type: none"> - Sự đa dạng. - Thực hành. 	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống con người. - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình. - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống.

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
			<p>vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, m của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). G tên một số con vật điển hình.</p> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được hai nhóm động vật không xương có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên.
		3. Vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên.	<p>Nhận biết:</p> <p>Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, ...)</p>
		4. Bảo vệ đa dạng sinh học	<p>Vận dụng:</p> <p>Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học (từ góc độ của thông hiểu)</p>
		5. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...). <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại sinh vật. - Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật và động vật ngoài thiên nhiên. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính hiển vi, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận. - Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống). - Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.
2.	Lực	1. Lực và tác dụng của lực	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo.

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
			<ul style="list-style-type: none"> - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi chuyển động. - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng Thông hiểu <ul style="list-style-type: none"> - Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có chiều tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng kéo hoặc đẩy. - Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế (thực hiện đúng tác, không yêu cầu tìm sai số).
		2. Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc	Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> - Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc. - Lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc. - Nêu được: Lực tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực. - Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực.

ĐỀ 4**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2024-2025****MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6****PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn:****Câu 1.** Vai trò chủ yếu của thực vật với đời sống động vật và con người**A.** là nơi sinh sản của một số động vật.**B.** là nơi tổng hợp chất hữu cơ và tạo ra oxygen cung cấp cho động vật và con người**C.** là nhà sản xuất thức ăn cho sinh giới.**D.** Giúp lọc không khí.**Câu 2.** Cây dương xỉ thuộc ngành nào?**A.** Ngành Rêu**B.** Ngành Dương xỉ**C.** Ngành Hạt trần**D.** Ngành Hạt kín.**Câu 3:** Biện pháp nào sau đây **không** phải là bảo vệ đa dạng sinh học?**A.** Nghiêm cấm phá rừng để bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật.**B.** Cấm săn bắt, buôn bán, sử dụng trái phép các loài động vật hoang dã.**C.** Tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong nhân dân để mọi người tham gia bảo vệ rừng**D.** Dừng hết mọi hoạt động khai thác động vật, thực vật của con người.**Câu 4:** Động vật có xương sống bao gồm:**A.** Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú.

- B. Cá, Chân khớp, Bò sát, Chim, Thú.
 C. Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Ruột khoang, Thú.
 D. Thân mềm, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú.

Câu 5: Tập hợp các loài nào sau đây thuộc lớp Động vật có vú (Thú)?

- A. Tôm, muỗi, lợn, cừu B. Bò, châu chấu, sư tử, voi
 C. Gấu, mèo, dê, cá heo D. Cá voi, vịt trời, rùa, thỏ

Động vật có xương sống và động vật không xương sống khác nhau ở đặc điểm nào ?

- A. Bộ xương. B. Phần phụ.
 C. Môi trường sống. D. Hô hấp bằng phổi.

Câu 6: Đặc điểm nào dưới đây chỉ có ở thực vật hạt kín mà không có ở các nhóm thực vật khác?

- A. Sinh sản bằng hạt B. Có hoa và quả
 C. Thân có mạch dẫn D. Sống chủ yếu ở cạn

Câu 7: Trong các nguyên nhân sau, nguyên nhân chính dẫn đến sự diệt vong của nhiều loài động, thực vật là

- A. do cháy rừng, khai thác quá mức tài nguyên sinh vật
 B. do các loại thiên tai xảy ra hằng năm
 C. do khả năng thích nghi của sinh vật bị suy giảm dần
 D. do các loại dịch bệnh bất thường

Câu 8: Cá heo là đại diện của lớp động vật nào sau đây?

- A. Cá. B. Thú. C. Lưỡng cư. D. Bò sát.

Câu 9. Trong những nhóm cây sau đây, nhóm gồm các cây thuộc ngành Hạt trần là?

- A. Cây dương xỉ, cây hoa hồng, cây ổi, cây rêu.
 B. Cây thông, pomu, bách tán, cây vạn tuế.
 C. Cây nhãn, cây hoa ly, cây bào tử, cây vạn tuế.
 D. Cây thông, cây rêu, cây lúa, cây vạn tuế.

Câu 10. Khi một người đẩy bàn nhưng bàn không di chuyển, điều đó có nghĩa là gì?

- A. Không có lực tác dụng vào bàn.
 B. Lực tác dụng bị triệt tiêu bởi lực ma sát.
 C. Không có ma sát tác dụng lên bàn.
 D. Bàn không thể bị đẩy.

Câu 11: Vợt bắt bướm được dùng để bắt các loài động vật nào sau đây?

- A. Bướm, ong, giun đất
 B. Kiến, cào cào, chuồn chuồn
 C. Bướm, châu chấu, chuồn chuồn
 D. Châu chấu, tôm đồng, giun đất

Câu 12: Giới thực vật gồm các ngành chính là:

- A. Rêu, dương xỉ, hạt trần, hạt kín.
 B. Rêu tường, dương xỉ, thông, mít.
 C. Hạt trần, thực vật có hoa thực vật không có hoa.
 D. Thực vật có hoa, thực vật không có hoa

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng - sai: Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 14 Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn **đúng (Đ)** hoặc **sai (S)**.

Câu 13. Thực vật Hạt kín có cấu tạo hoàn thiện, thích nghi với nhiều môi trường sống khác nhau . Hãy xác định các nhận định sau:

- a. Hạt kín có số lượng loài phong phú
 b. Hạt kín có cơ quan dinh dưỡng đa dạng về hình thái (lá đơn, lá kép; thân củ , thân rễ; rễ cọc, rễ chùm...).

c. Hạt kín không thể sống ở nơi khô hạn có ánh nắng chiếu trực tiếp vì chúng cần môi trường ẩm ướt để phát triển.

d. Do có cơ quan sinh sản là hoa và quả (hạt nằm trong quả) nên được xếp vào nhóm Thực vật Hạt kín.

Câu 14. Xác định các phát biểu sau là đúng hay sai về lực không tiếp xúc.

- Lực đẩy của tay người lên cánh cửa sổ khi mở cửa là một lực không tiếp xúc.
- Lực của chân người tác dụng lên bậc thang khi đi bộ là một lực không tiếp xúc.
- Lực hút của Trái Đất tác dụng lên máy bay là một lực không tiếp xúc.
- Lực của gió tác dụng lên cánh điều là một lực không tiếp xúc.

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn:

Câu 15. Dựa vào sự đa dạng thực vật để trả lời các câu hỏi sau:

- Cơ quan sinh sản của cây rêu là gì ?
- Rễ, thân, lá phát triển đa dạng; có hoa, quả, hạt; hạt nằm trong quả là đặc điểm của ngành thực vật nào?

Câu 16. Dựa vào sự đa dạng động vật để trả lời các câu hỏi sau:

- Cá sấu là đại diện của nhóm động vật nào ?
- Vật chủ trung gian truyền bệnh sốt rét là loài động vật nào?
- Dựa vào đặc điểm nào để phân biệt ngành động vật có xương sống và ngành động vật không xương sống ?
- Cơ thể phân đốt, thường sống ở môi trường ẩm ướt: đất ẩm, nước... là đặc điểm của ngành nào?

Câu 17. Dựa vào các kiến thức về lực trả lời các câu hỏi sau:

- Dụng cụ nào dùng để đo lực?
- Khi đá bóng, các cầu thủ đã tác dụng vào quả bóng một lực gì?

PHẦN IV: Tự luận. Viết câu trả lời hoặc lời giải cho bài tập sau

Câu 18.

- Em hãy cho biết những thói quen xấu gây bệnh giun sán kí sinh là gì ?
- Hậu quả và các biện pháp phòng tránh giun sán kí sinh?

Câu 19. Sắp xếp các loài động vật: sán dây, giun đất, giun kim, san hô, trai sông, tôm vào các ngành động vật phù hợp theo mẫu của bảng sau:

Ngành	Ruột khoang	Giun dẹp	Giun tròn	Thân mềm
Loài				

Câu 20. Nêu một ví dụ về lực tác dụng lên một vật làm vật biến dạng ?

KHUNG MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KHẢO SÁT GIỮA HỌC KÌ II MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6

a) Khung ma trận

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra giữa học kì 2.

- Thời gian làm bài: 60 phút.

- Hình thức kiểm tra: 70% trắc nghiệm, 30% tự luận

- Cấu trúc:

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.

- Phần trắc nghiệm gồm 3 phần

+ Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3 điểm). (4 phương án chọn 1 đáp án đúng) gồm 12 câu; mỗi câu đúng 0,25 điểm.

+ Phần II: Câu trắc nghiệm đúng, sai (2 điểm). Gồm 2 câu, mỗi câu gồm 4 ý a, b, c, d. Chọn “Đúng” hoặc “Sai”. Trong một câu đúng 1 ý chỉ được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25 điểm, đúng 3 ý được 0,5 điểm và đúng cả 4 ý được 1 điểm.

+ Phần III: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn (2 điểm). Gồm 3 câu đúng mỗi ý 0,25 điểm.

- Phần tự luận gồm 3 câu

+ Phần IV: Tự luận (3 điểm)

(Chú thích các kí hiệu trong khung ma trận và bản đặc tả: PA là trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (4 phương án chọn 1 đáp án đúng); ĐS là trắc nghiệm lựa chọn đúng, sai; TLN là trắc nghiệm trả lời ngắn)

T T	Chủ đề/ Chương	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									
			TNKQ									
			Nhiều lựa chọn			“Đúng - Sai”			Trả lời ngắn			
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết
1	Đa dạng thế giới sống (22 tiết)		1,0	1,0	0,75	0,5	0,25	0,25	0,75	0,25	0,5	0,75
2	Lực (5 tiết)			0,25		0,5	0,25	0,25	0,25	0,25		0,25
Tổng số câu/Số ý			4	5	3	4	2	2	4	2	2	4
Tổng số điểm			3,0			2,0			2,0			
Tỉ lệ %			30%			20%			20%			

b) Bản đặc tả

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
1.	Đa dạng thế giới sống	1. Đa dạng thực vật: - Sự đa dạng. - Thực hành.	Nhận biết: - Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống con người và môi trường trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...).
			Thông hiểu: - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín).

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
			Vận dụng: - Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại học.
		2. Đa dạng động vật: - Sự đa dạng. - Thực hành.	Nhận biết: - Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống. - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình. - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.
			Thông hiểu: - Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa.
			Vận dụng: - Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên.
		3. Vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên.	Nhận biết: Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, ...).
		4. Bảo vệ đa dạng sinh học	Vận dụng: Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học và tầm quan trọng của thông hiểu)
		5. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.	Nhận biết: - Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên và thực tiễn (ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...).

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
			Thông hiểu - Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại nhóm sinh vật. - Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực và thiên nhiên.
			Vận dụng: - Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính hiển vi, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận. - Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống). - Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.
2.	Lực	1. Lực và tác dụng của lực	Nhận biết - Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo. - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi vận tốc chuyển động. - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động. - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật.

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
			Thông hiểu - Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng kéo hoặc đẩy. - Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế (thực hiện đúng tác, không yêu cầu tìm sai số).
		2. Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc	Nhận biết - Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc. - Lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc. - Nêu được: Lực tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực. - Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực. Vận dụng: - Thực hiện được

ĐỀ 5

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6

I. Phần I: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn: Khoanh tròn vào đáp án trước câu trả lời đúng

Câu 1: Khẳng định nào dưới đây là đúng khi nói về cấu tạo của nấm?

- A. Phần sợi nấm là cơ quan sinh sản.
- B. Phần sợi nấm là cơ quan sinh dưỡng.
- C. Phần mũ nấm là cơ quan sinh dưỡng.
- D. Phần mũ nấm vừa là cơ quan sinh sản vừa là cơ quan sinh dưỡng.

Câu 2: Trong những nhóm cây sau đây, nhóm gồm các cây thuộc ngành hạt kín là:

- A. Cây dương xỉ, cây hoa hồng, cây ổi, cây rêu.

B. Cây nhãn, cây hoa ly, cây bào tằm, cây vạn tuế.

C. Cây bưởi, cây táo, cây hồng xiêm, cây lúa.

D. Cây thông, cây rêu, cây lúa, cây vạn tuế.

Câu 3: Đặc điểm nào sau đây **không** phải là đặc điểm của rêu?

A. Rễ giả là những sợi nhỏ.

B. Thân, lá có mạch dẫn.

C. Cơ quan sinh sản nằm ở ngọn cây.

D. Sinh sản bằng bào tử.

Câu 4: Sự đa dạng của động vật được thể hiện rõ nhất ở:

A. Cấu tạo cơ thể và số lượng loài.

B. Số lượng loài và môi trường sống.

C. Môi trường sống và hình thức dinh dưỡng.

D. Hình thức dinh dưỡng và hình thức vận chuyển.

Câu 5: Đặc điểm cơ bản nhất để phân biệt nhóm động vật có xương sống với nhóm động vật không xương sống là?

A. Hình thái đa dạng.

B. Có xương sống.

C. Kích thước cơ thể lớn.

D. Sống lâu.

Câu 6: Nhóm động vật nào sau đây **không** thuộc động vật có xương sống?

A. Bò sát.

B. Thân mềm.

C. Lưỡng cư.

D. Thú.

Câu 7: Đa dạng sinh học không biểu thị ở tiêu chí nào sau đây?

A. Đa dạng nguồn gen.

B. Đa dạng hệ sinh thái.

C. Đa dạng loài.

D. Đa dạng môi trường.

Câu 8: Nhóm động vật nào dưới đây gây hại cho nông nghiệp?

A. Ốc bươu vàng, ốc sên, châu chấu, chuột đồng.

B. Ốc bươu vàng, ong, châu chấu, chuột đồng.

C. Ốc bươu vàng, ốc sên, châu chấu, chim sâu.

D. Ốc sên, châu chấu, chuột đồng, cú mèo.

Câu 9: Một em bé thả một quả bóng cao su xuống sàn nhà. Khi quả bóng chạm sàn nhà thì lực của sàn nhà tác dụng lên quả bóng

A. chỉ làm cho quả bóng biến đổi chuyển động.

B. chỉ làm cho quả bóng biến dạng.

C. vừa làm cho quả bóng biến dạng, vừa làm cho quả bóng biến đổi chuyển động.

D. không làm cho quả bóng biến dạng cũng không làm biến đổi chuyển động của quả bóng.

Câu 10: Đơn vị đo nào sau đây dùng để đo lực?

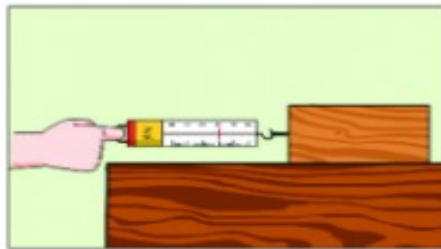
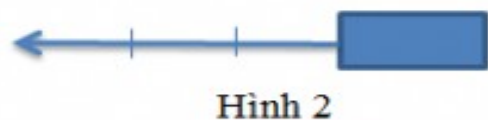
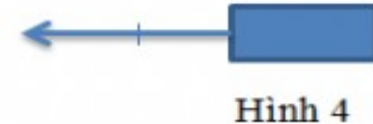
A. Kg.

B. N.

C. m.

D. $^{\circ}\text{C}$.

Câu 11: Độ lớn lực kéo khối gỗ (hình vẽ) là 3N. Hình nào biểu diễn đúng lực kéo của khối gỗ (cho tỉ lệ xích 1cm ứng với 1,5N)?



A. Hình 4.

B. Hình 3.

C. Hình 1.

D. Hình 2.

Câu 12: Biến dạng của vật nào dưới đây **không phải** là biến dạng đàn hồi?

A. Lò xo trong chiếc bút bi bị nén lại.

B. Dây cao su được kéo căng ra.

C. Que nhôm bị uốn cong.

D. Quả bóng cao su đập vào tường.

Phần II. Trắc nghiệm đúng – sai:

Câu 13:

a) Cây rêu thuộc ngành rêu.	
b) Cây thông thuộc ngành hạt trần.	
c) Cây phi lao thuộc ngành hạt trần.	
d) Cây mít thuộc ngành hạt kín.	

Câu 14:

a) Búng một đồng xu cho nó trượt trên mặt bàn là lực tiếp xúc.	
b) Một học sinh đá quả bóng bay sang hướng khác thì lực từ bàn chân chỉ làm quả bóng bị biến dạng.	
c) Mỗi lực có 3 đặc trưng cơ bản là điểm đặt, độ lớn và phương.	
d) Những vật như dây cao su, dây thun có thể biến dạng giống như biến dạng lò xo.	

Phần III. Trắc nghiệm câu trả lời ngắn

Câu 15:

- a) Thực vật không có mạch thuộc ngành?
b) Chân khớp thuộc ngành của nhóm động vật?

Câu 16:

- a) Dụng cụ đo lực là gì?
b) Treo thẳng đứng 1 lò xo, nếu đầu dưới treo quả nặng 100g thì lò xo dãn 0,5 cm. Nếu treo thêm 1 quả nặng khác có khối lượng 300g vào thì lúc này lò xo dãn ra một đoạn bằng bao nhiêu?

Câu 17: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

...(1)... là lớp động vật thuộc nhóm động vật có xương sống, sống dưới nước, hô hấp bằng ...(2) ..., di chuyển bằng ...(3)... Chúng có hình dạng rất khác nhau, phổ biến là hình thoi, dẹp hai bên, thích nghi với đời sống bơi lội. Một số đại diện thuộc lớp động vật này như ...(4)...

Phần IV: Tự luận (3,0 điểm).

Câu 18: (1,0 điểm):

Quan sát hình vẽ dưới đây. Hãy cho biết:

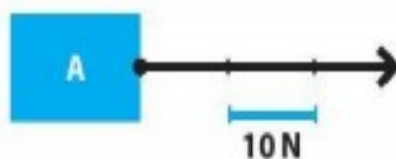
- a) Tên các loài động vật đó và nêu vai trò của mỗi đại diện.
b) Chúng thuộc ngành nào của động vật không xương sống hoặc lớp nào của động vật có xương sống?
c) Điểm khác nhau cơ bản về đặc điểm cơ thể của 2 loài động vật nêu trên?



Câu 19: (1,0 điểm): Vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học? Là học sinh, em cần làm gì để góp phần bảo tồn đa dạng sinh học?

Câu 20: (1,0 điểm) :

- a) Nêu chiều và độ lớn của lực trong hình vẽ?



- b) Em hãy lấy một ví dụ về lực tiếp xúc, một ví dụ về lực không tiếp xúc trong thực tế?

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**NĂM HỌC 2024 – 2025**

Môn: KHTN – lớp 6

Phần I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (Mỗi câu trả lời đúng được 0,25đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	B	C	B	B	B	B	D	A	C	A	B	C

Phần II. Trắc nghiệm đúng sai

	a)	b)	c)	d)
Câu 13	Đ	Đ	S	Đ
Câu 14	Đ	S	S	Đ

Phần III. Trắc nghiệm trả lời ngắn

Câu 15	Câu 16	Câu 17
a) Rêu (0,25đ) b) Không xương sống (0,25đ)	- Lực kế (0,25đ) - 2 cm (0,25đ)	(1) Cá (0,25đ) (2) mang (3) vây (0,25đ) (4) cá chuồn, cá ngừ, cá mập,... (0,25đ)

Phần IV. Tự luận**Câu 18: (1 điểm)**

Nội dung	Điểm
- Con ong và con cá chép	(0,25đ)
- Thụ phấn cho cây và làm thực phẩm	(0,25đ)
- Con ong thuộc ngành chân khớp của động vật không xương sống còn cá chép thuộc lớp cá của động vật có xương sống	(0,25đ)
- Điểm khác nhau: ĐVKXS cơ thể không có xương sống còn ĐVCXS cơ thể có xương sống	(0,25đ)

Câu 19:(1 điểm)

Nội dung	Điểm
- Cần bảo vệ đa dạng sinh học vì:	
+ Đa dạng sinh học có vai trò quan trọng đối với tự nhiên và cuộc sống của con người.	(0,25đ)
+ Sự suy giảm đa dạng sinh học sẽ ảnh hưởng tới con người và các loài sinh vật; ảnh hưởng tới nguồn lương thực, thực phẩm, nguyên liệu, dược liệu...	(0,25đ)
- Những việc làm góp phần bảo tồn đa dạng sinh học:	
+ Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường (trồng cây xanh, không vứt rác bừa bãi ...)	(0,25đ)
+ Tuyên truyền nâng cao ý thức người dân về bảo tồn đa dạng sinh học	

	(0,25đ)
--	---------

Câu 20: (1 điểm)

Nội dung	Điểm
a) Lực biểu diễn trong hình vẽ: - Chiều: từ trái sang phải - Độ lớn: 30 N	(0,25đ) (0,25đ)
b) - VD1: Dùng búa đóng một cái đinh lực mà búa tác dụng lên đinh là lực tiếp xúc. - VD2: Dùng nam châm hút một viên bi sắt, lực mà nam châm tác dụng lên viên bi sắt là lực không tiếp xúc.	(0,25đ) (0,25đ)

KHUNG MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KHẢO SÁT GIỮA HỌC KÌ II
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6

a) Khung ma trận

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa học kì 2.

- **Thời gian làm bài:** 60 phút.

- **Hình thức kiểm tra:** 70% trắc nghiệm, 30% tự luận

- Cấu trúc:

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.

- Phần trắc nghiệm gồm 3 phần

+ Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3 điểm). (4 phương án chọn 1 đáp án đúng) gồm 12 câu; mỗi câu đúng 0,25 điểm.

+ Phần II: Câu trắc nghiệm đúng, sai (2 điểm). Gồm 2 câu, mỗi câu gồm 4 ý a, b, c, d. Chọn “Đúng” hoặc “Sai”. Trong một câu đúng 1 ý chỉ được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25 điểm, đúng 3 ý được 0,5 điểm và đúng cả 4 ý được 1 điểm.

+ Phần III: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn (2 điểm). Gồm 3 câu đúng mỗi ý 0,25 điểm.

- Phần tự luận gồm 3 câu

+ Phần IV: Tự luận (3 điểm)

(Chú thích các kí hiệu trong khung ma trận và bản đặc tả: PA là trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (4 phương án chọn 1 đáp án đúng); ĐS là trắc nghiệm lựa chọn đúng, sai; TLN là trắc nghiệm trả lời ngắn)

T T	Chủ đề/ Chương	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									
			TNKQ									
			Nhiều lựa chọn			“Đúng – Sai”			Trả lời ngắn			
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết
1	1. Đa dạng		0,75	0,75	0,75	0,5	0,5	0,5	0,25	0,25	1,0	1,0

	thể giới sống (22 tiết)											
2	2. Lực trong đời sống (8 tiết)		0,25	0,25	0,25	0,5	0,5		0,25		0,25	
Tổng số câu/Số ý			4	4	4	4	2	2	4	2	2	1
Tổng số điểm			3,0			2,5			2,0			
Tỉ lệ %			30%			20%			20%			

b) Bản đặc tả

Chủ đề/Chương	Nội dung đơn vị kiến thức	Mức độ	Yêu cầu cần đạt
1. Đa dạng thế giới sống (22 tiết)	1. Thực hành quan sát các loại nấm	Nhận biết	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cách quan sát, mô tả được đa dạng thế giới sống qua hệ thống được các đặc điểm của các mẫu nấm q - Nhận dạng được nấm trong tự nhiên và mô tả được đặc điểm của các đại diện nấm HS bắt gặp trong thực hiện trồng thử 1 mẫu nấm đảm có ích.
		Thông hiểu	Thực hiện quan sát bằng mắt thường, sử dụng kính hiển vi để quan sát một số mẫu nấm; hệ thống trình bày được kết quả quan sát thông qua báo cáo hoặc hoạch.
		Vận dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận dạng được nấm trong tự nhiên và mô tả được đặc điểm của các đại diện nấm HS bắt gặp trong thực hiện trồng thử 1 mẫu nấm đảm có ích.
	2. Thực vật	Nhận biết	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được thế giới thực vật đa dạng, phong phú về loài, kích thước và môi trường sống.
		Thông hiểu	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được hai nhóm thực vật có mạch và không có mạch.

		Vận dụng	Vận dụng kiến thức đã học vào việc bảo vệ môi trường, có ý thức trong việc bảo vệ và trồng cây tại gia đình, trường và địa phương.
3. Động vật		Nhận biết	- Nhận biết được hai nhóm dựa vào hình ảnh, m
		Thông hiểu	- Phân biệt được hai nhóm động vật có xương sống và không xương sống.
		Vận dụng	- Nêu được vai trò và một số tác hại của động vật đối với đời sống.
4 . Đa dạng sinh học		Nhận biết	- Nêu được đặc điểm đặc trưng thể hiện sự đa dạng sinh học - Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong thực tiễn và cho ví dụ.
		Thông hiểu	- Tổng hợp, khái quát hóa nguyên nhân và hậu quả của việc suy giảm đa dạng sinh học.

		Vận dụng	- Từ nguyên nhân và hậu quả gây ra suy giảm sinh học, đề xuất được các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.
	5. Tìm hiểu sinh vật ngoài tự nhiên	Nhận biết	- Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên: cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật,..)
		Thông hiểu	- Phân loại một số nhóm sinh vật.
		Vận dụng	- Sử dụng được khóa lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật.
2. Chủ đề: Lực trong đời sống (8 tiết)	1. Lực là gì?	Nhận biết	– Nêu được lực có thể làm thay: đổi tốc độ chuyển động, biến dạng vật trong tình huống cụ thể.
		Thông hiểu	– Phân biệt được lực có thể làm thay: đổi tốc độ chuyển động, biến dạng vật trong tình huống cụ thể.
		Vận dụng	
	2. Biểu diễn lực	Nhận biết	- Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có gốc tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng kéo hoặc đẩy. - Đo được lực bằng lực kế lò xo, đơn vị đo lực (Newton, kí hiệu N). - Nhận ra được các đặc trưng của lực: phương và độ lớn. - Nêu được đơn vị đo lực là Niuton (N), dụng cụ để đo lực kế.

	Thông hiểu	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra được các bộ phận của lực kế, xác định đơn vị và ĐCNN ghi trên lực kế. - Ước lượng được các lực cần đo. - Trình bày được các bước sử dụng lực kế lò xo và hiện được phép đo lực kéo bằng lực kế.
	Vận dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức của bài để chỉ ra được chiều, độ lớn của lực trong các trường hợp, được các lực đó.
3. Biến dạng của lò xo	Nhận biết	Tìm hiểu mối liên hệ giữa độ dãn của lò xo
	Thông hiểu	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu mối liên hệ giữa độ dãn của lò xo đứng với khối lượng của vật nặng treo vào lò xo.
	Vận dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Độ dãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng vật treo.

ĐỀ 6**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2024-2025****MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6**

PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn: Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án trả lời.

Câu 1: Vì sao ở vùng đồi núi nơi có rừng sẽ ít xảy ra sạt lở, xói mòn đất?

- A. Vì đất ở khu vực đó là đất sét nên không bị xói mòn.
- B. Vì lượng mưa ở khu vực đó thấp hơn lượng mưa ở khu vực khác.
- C. Vì các tán cây, rễ cây giảm lực chảy của dòng nước, rễ cây giữ đất.
- D. Vì nước sẽ bị hấp thu hết trở thành nước ngầm khiến tốc độ dòng chảy giảm.

Câu 2: Thực vật góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường bằng cách:

- A. Giảm bụi và khí độc, tăng hàm lượng CO_2
- B. Giảm bụi và khí độc, cân bằng hàm lượng CO_2 và O_2

- C. Giảm bụi và khí độc, giảm hàm lượng O_2
 D. Giảm bụi và sinh vật gây bệnh, tăng hàm lượng CO_2

Câu 3. Loại cây nào dưới đây được dùng để làm thực phẩm ?

- A. Hoa sữa B. Cây cọ C. Cây rau muống D. Cây lúa

Câu 4: Nhóm động vật nào dưới đây gây hại cho nông nghiệp?

- A. Ốc bươu vàng, ốc sên, châu chấu, chuột đồng.
 B. Ốc bươu vàng, ong, châu chấu, chuột đồng.
 C. Ốc bươu vàng, ốc sên, châu chấu, chim sâu.
 D. Ốc sên, châu chấu, chuột đồng, cú mèo.

Câu 5. Nhóm động vật nào dưới đây gồm toàn Động vật không xương sống?

- A. Cua, chuồn chuồn, cá chép. B. Ong, ve, thằn lằn.
 C. Bướm, tôm, cua đồng. D. Nhện, ong, ếch đồng.

Câu 6: Nhóm động vật nào sau đây **không thuộc** Động vật có xương sống?

- A. Bò sát. B. Thân mềm. C. Lưỡng cư. D. Thú.

Câu 7. Đơn vị đo nào sau đây dùng để đo lực?

- A. Kg. B. N. C. m. D. $^{\circ}C$.

Câu 8. Đâu **không phải** là vai trò của đa dạng sinh học trong thực tiễn?

- A. Cung cấp nguồn lương thực, thực phẩm.
 B. Phân hủy chất thải động vật và xác sinh vật.
 C. Cung cấp nguồn nguyên vật liệu cho các hoạt động sản xuất của con người.
 D. Cung cấp dược liệu để làm thuốc và các loại thực phẩm chức năng.

Câu 9: Đâu **không phải** là vai trò của sinh vật trong tự nhiên :

- A. Điều hòa khí hậu B. Làm sạch môi trường
 C. Gây biến đổi khí hậu D. Làm thức ăn cho động vật

Câu 10: Những loài động vật có khả năng bay là:

- A. Đà điểu, đại bàng, hải âu B. Ong, chim bồ câu, ếch giun
 C. Chim cánh cụt, châu chấu D. Bướm, ong, ve.

Câu 11. Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào xuất hiện lực **không** tiếp xúc?

- A. Em bé đẩy cho chiếc xe đồ chơi rơi xuống đất. B. Gió thổi làm thuyền chuyển động.
 C. Cầu thủ đá quả bóng bay vào gôn. D. Quả táo rơi từ trên cây xuống.

Câu 12. Khi lực sĩ bắt đầu ném một quả tạ, lực sĩ đã tác dụng vào quả tạ một

- A. Lực nâng B. Lực kéo C. Lực uốn D. Lực đẩy

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng sai: Học sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13: Các phát biểu sau là đúng hay sai khi nói về thực vật hạt trần.

- a) Thực vật hạt trần sinh sản bằng hạt.
 b) Thực vật hạt trần không có mạch dẫn.

- c) Thực vật hạt trần có hạt nằm lộ trên lá noãn hở.
d) Rêu là một ví dụ của thực vật không có mạch.

Câu 14: Vai trò sau của động vật với con người đúng hay sai:

- a) Cung cấp thực phẩm.
b) Là tác nhân gây bệnh hoặc vật trung gian truyền bệnh.
c) Hỗ trợ con người trong lao động.
d) Gây hại cho cây trồng.

Câu 15: Các phát biểu sau đây về lực đàn hồi là đúng hay sai?

- a) Lực đàn hồi chỉ xuất hiện khi vật bị biến dạng.
b) Lực đàn hồi luôn tác dụng theo hướng chống lại biến dạng.
c) Lực đàn hồi phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường.
d) Độ lớn của lực đàn hồi tỉ lệ thuận với độ biến dạng.

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn: Học sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19

Câu 16: Rêu thường mọc ở đâu?

Câu 17: Độ mạnh hay yếu của một lực được gọi là gì?

Câu 18: Kể tên 3 đại diện Thân mềm?

Câu 19: Thả quả bóng cao su xuống nền nhà, khi quả bóng chạm sàn nhà thì lực của sàn nhà tác dụng lên quả bóng ?

Phần IV. Tự luận (3,0 điểm)

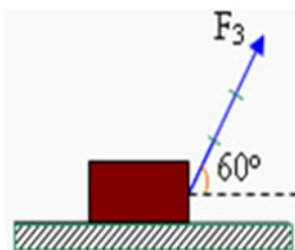
Câu 20 (0,75 điểm): Cho các loài động vật sau: Thủy tức, thằn lằn, mực, trai sông, chim bồ câu, rắn. Loài động vật nào thuộc ngành động vật không xương sống?

Câu 21 (0,75 điểm): Phân chia các loài thực vật sau vào các ngành đã học: Rêu tường, Cỏ bọ, Tùng bách tán.

Câu 22 (0,75 điểm): Vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học?

Câu 23 (0,75 điểm) :

Mô tả đặc điểm của lực trong hình vẽ?



HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II

NĂM HỌC 2024 – 2025

Môn: KHTN – lớp 6

PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-----	---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----

Đáp án	C	B	C	A	C	B	B	D	C	D	D	D
-----------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng sai (3 điểm): Học sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15.

- Thí sinh lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 04 ý trong 01 câu hỏi được 1 điểm

	a	b	c	d
Câu 13	Đ	S	Đ	S
Câu 14	Đ	S	Đ	S
Câu 15	Đ	S	Đ	Đ

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn (1 điểm): Học sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19. Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu 16: ẩm ướt

Câu 17: độ lớn của lực

Câu 18: sò, bạch tuộc, ốc

Câu 19: lực đẩy

Phần IV. Tự luận (3,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 20 (0,75 điểm)	- Thủy tức - Mực - Trai sông	0,25 0,25 0,25
Câu 21 (0,75 điểm)	-Ngành Rêu: rêu tường -Ngành Dương xỉ: cỏ bọ -Ngành Hạt trần: tùng bách tán.	0,25 0,25 0,25
Câu 22 (0,75 điểm)	-Vi Đa dạng sinh học có vai trò rất quan trọng, nhưng hiện nay đa dạng sinh học đang bị suy giảm mạnh . -Sự suy giảm đa dạng sinh học sẽ ảnh hưởng đến môi trường sống của con người và các loài sinh vật, ảnh hưởng đến nguồn lương thực, thực phẩm, nhiên liệu, dược liệu,... -Cần bảo vệ đa dạng sinh học giúp bảo tồn sự phong phú và đa dạng của các loài,bảo vệ môi trường tự nhiên, đảm bảo sự phát triển bền vững của con người.	0,25 0,25 0,25
Câu 23 (0,75 điểm)	- Phương: hợp với phương nằm ngang một góc 60^0	0,25

Câu	Nội dung	Điểm
	- Chiều: từ từ dưới lên trên - Độ lớn: 3 N	0,25 0,25

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II MÔN KHTN – LỚP 6

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa học kì 2
- **Thời gian làm bài:** 60 phút.
- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận).
- **Cấu trúc:**
 - + Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 22,5% Vận dụng; 7,5% Vận dụng cao.
 - + Phần trắc nghiệm: 7,0 điểm gồm 3 dạng câu hỏi
 - Dạng 1: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn
 - Dạng 2: Trắc nghiệm đúng - sai
 - Dạng 3: Trắc nghiệm trả lời ngắn
 - + Phần tự luận: 3,0 điểm (Nhận biết: 0 điểm; Thông hiểu: 0 điểm; Vận dụng: 2,25 điểm; Vận dụng cao: 0,75 điểm).
 - + Nội dung kiểm tra:
 - Từ bài 34 - Thực vật đến hết bài 42 - Biến dạng của lò xo

Nội dung kiến thức	MỨC ĐỘ							
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao	
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Đa dạng thực vật (7 tiết) Bài 34: Thực vật (4 tiết) Bài 35: TH- Quan sát và phân biệt một số nhóm thực vật (3 tiết)		4		4	1			
2. Đa dạng động vật (7 tiết) Bài 36: Động vật (4 tiết) Bài 37: TH Quan sát và nhận biết một số nhóm động vật ngoài thiên nhiên (3 tiết)		4		4	1			
3. Đa dạng sinh học (3 tiết)							1	

Nội dung kiến thức	MỨC ĐỘ							
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao	
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm
1	2	3	4	5	6	7	8	9
4. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên (3 tiết)		3						
5. Lực trong đời sống (7 tiết) Bài 40: Lực là gì? (2 tiết) Bài 41: Biểu diễn lực (2 tiết) Bài 42: Biến dạng của lò xo (3 tiết)		5		4	1			
Số câu	0	16	0	12	3	0	1	0
Điểm số	0	4,0	0	3,0	2,25	0	0,75	0
Tổng số điểm	4,0 điểm		3,0 điểm		2,25 điểm		0,75 điểm	

BẢN ĐẠC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II MÔN KHTN – LỚP 6

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (câu số)	TN (Câu số)
1. Đa dạng thực vật						
- Sự đa dạng. - Thực hành.	Nhận biết	- Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...).		4		Câu 1, 2, 3, 16,)
	Thông hiểu	- Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín).		4		Câu 13a, b, c,d.
	Vận dụng	Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học.	1		Câu 21	
3. Đa dạng động vật						
Sự đa dạng. - Thực hành.	Nhận biết	Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống. - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình		4		Câu 4, 5, 6, 18

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (câu số)	TN (Câu số)
		thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.				
	Thông hiểu	- Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa.		4		Câu 14a, b, c, d
	Vận dụng	Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên.	1		Câu 20	
4. Đa dạng sinh học						
	Nhận biết					
		Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, ...				
	Vận dụng					
		Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học.	1		C22	
5. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.						
	Nhận biết	- Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...).		3		Câu 8, 9, 10
	Thông hiểu	- Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật.				
		- Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên.				
	Vận dụng	- Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống).				
Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên; quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.						
6. Lực trong đời sống						
	Nhận biết					
		- Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo.		5		Câu 7, 11, 12, 17

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (câu số)	TN (Câu số)
		- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật				, 19
		- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ.				
		- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động.				
		- Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc.				
		- Lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc.				
		- Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực.				
		- Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc.				
		Nêu được khái niệm lực ma sát trượt ; lực ma sát nghỉ				
		Nêu được lực ma sát là lực tiếp xúc xuất hiện ở bề mặt tiếp xúc giữa hai vật				
		Lấy ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát nghỉ				
		Lấy ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát trượt				
		Nêu được tác dụng cản trở và tác dụng thúc đẩy chuyển động của lực ma sát				
		Sử dụng tranh ảnh, hình vẽ, học liệu điện tử để nêu được : sự tương tác giữa bề mặt của hai vật tạo ra lực ma sát giữa chúng				
		Nêu được khái niệm về khối lượng (số đo lượng chất của một vật)				
		Nêu được khái niệm lực hấp dẫn (lực hút giữa các vật có khối lượng)				
		Nêu được khái niệm trọng lượng của vật (độ lớn lực hút của trái đất tác dụng lên vật)				
	Thông hiểu	- Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy.		4		Câu 1 5a, b, c, d
		Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số)				
	Vận	- Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật	1		Câu	

MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6

Câu 9: Nhóm động vật nào sau đây **không thuộc** Động vật có xương sống?

- A. Bò sát. B. Thân mềm. C. Lưỡng cư. D. Thú.

Câu 10: Nhóm động vật nào dưới đây gây hại cho nông nghiệp?

- A. Ốc bươu vàng, ốc sên, châu chấu, chuột đồng.
 B. Ốc bươu vàng, ong, châu chấu, chuột đồng.
 C. Ốc bươu vàng, ốc sên, châu chấu, chim sâu.
 D. Ốc sên, châu chấu, chuột đồng, cú mèo.

Câu 11: Điều không phải là vai trò của đa dạng sinh học trong thực tiễn?

- A. Cung cấp nguồn lương thực, thực phẩm.
 B. Phân hủy chất thải động vật và xác sinh vật.
 C. Cung cấp nguồn nguyên vật liệu cho các hoạt động sản xuất của con người.
 D. Cung cấp dược liệu để làm thuốc và các loại thực phẩm chức năng.

Câu 12: Căn cứ chủ yếu để xếp cá voi vào lớp Thú là nhờ đặc điểm nào dưới đây?

- A. Có bộ xương trong, trong đó có xương sống ở dọc lưng.
 B. Đẻ con và nuôi con bằng sữa mẹ.
 C. Có bộ lông mao bao phủ khắp cơ thể.
 D. Có răng phân hóa thành răng cửa, răng nanh, răng hàm.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý 1), 2), 3), 4) ở mỗi câu, thí sinh chọn **đúng (Đ)** hoặc **sai (S)**.

Câu 13:

1. Để đo trọng lượng tác dụng lên vật ta cần lực kế sao cho trục lực kế trùng với phương ngang.
2. Đơn vị của trọng lượng là N.
3. Tất cả mọi hoạt động của con người đều cần dùng đến lực.
4. Trong các hoạt động sau:
 - a) Học sinh dùng tay uốn cây thước dẻo.
 - b) Thả quyển sách trên không, rơi xuống đất.
 - c) Thợ rèn dùng búa đập vào thanh sắt nung.
 - d) Máy bay giấy bay lên nhờ gió.
 Số hoạt động xuất hiện lực tiếp xúc là 3.

Phần III. Tự luận (6,0 điểm)

Câu 14 (1,0 điểm):

Nêu vai trò của thực vật đối với đời sống con người và tự nhiên. Mỗi vai trò lấy một ví dụ minh họa.

Câu 15 (1,0 điểm):

Quan sát hình vẽ dưới đây. Hãy cho biết:

- a) Tên các loài động vật đó và nêu vai trò của mỗi đại diện.
- b) Chúng thuộc ngành nào của động vật không xương sống hoặc lớp nào của động vật có xương sống?
- c) Điểm khác nhau cơ bản về đặc điểm cơ thể của 2 loài động vật nêu trên?



Hình 1



Hình 2

Câu 16 (1,0 điểm):

Xây dựng khóa lưỡng phân để nhận biết các động vật có tên sau: gà, chó, cá chép, giun đất, ốc sên.

Câu 17 (1,0 điểm):

Việt Nam có tỉ lệ trẻ em bị nhiễm giun sán khá cao. Nhiều loài giun sán kí sinh trong cơ thể người, sinh sôi phát triển, gây bệnh khiến cơ thể gây yếu, thiếu máu, ... Em hãy đưa ra biện pháp phòng tránh các bệnh giun sán kí sinh ở người.

Câu 18 (1,0 điểm): Vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học? Là học sinh, em cần làm gì để góp phần bảo tồn đa dạng sinh học?

Câu 19 (1,0 điểm) :

- a) Một xe đầu kéo đang kéo một thùng hàng với lực 500 N. Hãy biểu diễn và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp này?
- b) Lấy hai ví dụ về tác dụng của lực trong đó có trường hợp:
- + vật thay đổi vận tốc.
 - + vật thay đổi hướng chuyển động.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2024 – 2025
 Môn: KHTN – lớp 6

Phần I. Trắc nghiệm (4,0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	C	B	A	B	C
Câu	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	C	B	A	B	B

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai**Câu 13:**

1-S

2-Đ

3-S

4-Đ

- Thí sinh lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;

- Thí sinh lựa chọn chính xác 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.

Phần III. Tự luận (6,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm												
Câu 14 (1,0 điểm)	Vai trò của thực vật với đời sống con người – Làm lương thực, thực phẩm: lúa gạo – Làm thuốc, gia vị: Rau ngải cứu – Làm đồ dùng và giấy: thông – Làm cây cảnh và trang trí: hoa hồng – Cho bóng mát và điều hòa không khí: Cây bàng ... (Trả lời đúng một ý 0,25đ, 4 ý đúng cho 1 điểm)	0,25 0,25 0,25 0,25												
Câu 15 (1,0 điểm)	<div><div>* Tên và vai trò, phân loại</div><table><tr><th>STT</th><th>Tên</th><th>Vai trò</th><th>Phân loại</th></tr><tr><td>Hình 1</td><td>Con nhện</td><td>Chúng diệt các loại sâu bệnh ở lúa</td><td>Ngành Chân khớp của ĐVKXS</td></tr><tr><td>Hình 2</td><td>con cá chép</td><td>Làm thực phẩm</td><td>Lớp Cá của ĐVCXS</td></tr></table><div>* Điểm khác nhau: ĐVKXS cơ thể không có xương sống còn ĐVCXS cơ thể có xương sống</div></div>	STT	Tên	Vai trò	Phân loại	Hình 1	Con nhện	Chúng diệt các loại sâu bệnh ở lúa	Ngành Chân khớp của ĐVKXS	Hình 2	con cá chép	Làm thực phẩm	Lớp Cá của ĐVCXS	0,375 0,375 0,25
STT	Tên	Vai trò	Phân loại											
Hình 1	Con nhện	Chúng diệt các loại sâu bệnh ở lúa	Ngành Chân khớp của ĐVKXS											
Hình 2	con cá chép	Làm thực phẩm	Lớp Cá của ĐVCXS											
Câu 16 (1,0 điểm)	<div><div>Động vật (gà, chó, cá chép, giun đất, ốc sên)</div><div><div>ĐVKXS (giun đất, ốc sên)</div><div>ĐVCXS (gà, chó, cá chép)</div></div><div><div>Ngành Giun đốt (giun đất)</div><div>Ngành Thân mềm (ốc sên)</div><div>Lớp Cá (cá chép)</div><div>Lớp Chim (gà)</div><div>Lớp Thú (chó)</div></div></div>	1,0												
Câu 17 (1,0 điểm)	<div><div><div>háp phòng t đồ sống, n</div><div>h gi được</div><div>linh uồ</div><div>un s</div></div><div><div>Các gi ệ sinh cá nh sạch sẽ. Rửa tay trước khi ăn và sau khi ăn vệ sinh, cắt móng tay thường xuyên, không đi chân đất.</div><div><div>- Vệ sinh môi trường sống sạch sẽ.</div><div>- Tẩy giun định kì 6 tháng/ lần.</div></div></div></div>	0,25 0,25 0,25 0,25												
Câu 18 (1,0 điểm)	<div><div>a) Cần bảo vệ đa dạng sinh học vì: - Đa dạng sinh học có vai trò quan trọng đối với tự nhiên và cuộc sống của con người. - Sự suy giảm đa dạng sinh học sẽ ảnh hưởng tới con người và các loài sinh vật; ảnh hưởng tới nguồn lương thực, thực phẩm, nguyên liệu, dược liệu...</div><div>b) Những việc làm góp phần bảo tồn đa dạng sinh học: - Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường (trồng cây xanh, không vứt rác bừa bãi ...) - Tuyên truyền nâng cao ý thức người dân về bảo tồn đa dạng sinh học</div></div>	0,25 0,25 0,25 0,25												
Câu 19 (1,0	a)													

Câu	Nội dung	Điểm
điểm)	+ Biểu diễn đúng lực bằng một mũi tên (Vẽ đúng)	0,25
	+ Tác dụng của lực trong trường hợp này là làm cho vật biến đổi chuyển động.	0,25
	từ phải sang trái).	
	b) Lấy 2 ví dụ:	
	+ Bạn An đá quả bóng về phía cầu môn.	0,25
	+ Quả bóng đập vào xà ngang rồi bật ra.	0,25

MA TRẬN

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu (TN/số ý TL)		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1. Đa dạng năm		1		2							0,75
2. Đa dạng thực vật	1	4									2,0
3. Đa dạng động vật		3	1	1	1						3,0
4. Đa dạng sinh học		1			1						1,25
5. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên							1				1,0
6. Lực và tác dụng của lực		2	1/2	1							1,25
7. Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc		1	1/2								0,75
Số câu	1	12	2	4	2	0	1	0	6	20	10
Điểm số	1,0	3,0	2,0	1,0	2,0	0	1,0	0	6,0	4.0	10
Tổng số điểm	4,0 điểm		3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm		10 điểm		10 điểm

BẢN ĐẶC TẢ

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
1. Đa dạng nấm				3		
- Sự đa dạng nấm. - Vai trò của nấm. - Một số bệnh do nấm gây ra.	Nhận biết			1		
		Nêu được một số bệnh do nấm gây ra.		1		C1
	Thông hiểu			2		
		- Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm.		1		C2
		- Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...).				
		- Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra.		1		C3
	Vận dụng					
		Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp).				
	Vận dụng cao					
		Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ...				
2. Đa dạng thực vật			1	4		
- Sự đa dạng. - Thực hành.	Nhận biết		1	4		
		- Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín).		3		C4, C5, C6,
		- Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...).	1	1		C7, C14
	Vận dụng					
		Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học.				
3. Đa dạng động vật			2	7		
- Sự đa dạng. - Thực hành.	Nhận biết			3		
		- Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống và các nhóm động vật có xương sống.		2		C8, C9,
		Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống.		1		C10

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
	Thông hiểu		1	2		
		- Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa.	1/3		C1 5 (ý c)	
		- Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.	1/3		C1 5(ý a, b)	
	Vận dụng	- Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.	1/3	1	C1 5 (ý a,b)	C12
			1			
		Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên.				
		Vận dụng hiểu biết về các nhóm động vật để xuất các biện pháp hạn chế tác hại của các loài động vật trong thực tiễn cuộc sống.	1		C1 7	
4. Đa dạng sinh học		1	1			
	Nhận biết			1		
		Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, ...)		1		C11
	Vận dụng		1			
Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học.		1		C1 8		
5. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.		1				
	Vận dụng cao		1			
		- Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận.				
		- Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...).				
		- Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật.	1		C1 6	
		- Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên.				
		- Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống).				
		- Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.				
6. Lực và tác dụng của lực			1	3		
	Nhận biết					
		- Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo.		1		C13 (ý 2)
		- Nêu được đơn vị lực đo lực.				
		- Nhận biết được dụng cụ đo lực là lực kế.				
		- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ.				
		- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động.		1		C13 (ý 3)
		- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật.				
	Thông hiểu					
		- Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy.	1/2		C1 9(a)	
		- Biết cách sử dụng lực kế để đo lực (ước lượng độ lớn lực tác dụng lên vật, chọn lực kế thích hợp, tiến hành đúng thao tác đo, đọc giá trị của lực trên lực kế).		1		C13 (ý 1)
	Vận dụng					
		- Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật trong thực tế và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp đó.				
7. Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc						
	Nhận biết					
		- Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc.				
		- Lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc.				
		- Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực.		1		C13 (ý 4)
	Thông hiểu					
		- Tác dụng của lực.				
		- Biết được tác dụng của lực đối với vật bị tác dụng lực.	1/2		C1 9(b)	

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Khoanh tròn câu trả lời đúng trong các câu sau đây :

Câu 1: Nhóm thực vật có mạch dẫn, có hạt, không có hoa là

- A. rêu.
- B. dương xỉ.
- C. hạt trần.
- D. hạt kín.

Câu 2: Thực vật được chia thành các ngành nào?

- A. Nấm, Rêu, Tảo và Hạt kín
- B. Rêu, Dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín
- C. Hạt kín, Quyết, Hạt trần, Nấm
- D. Nấm, Dương xỉ, Rêu, Quyết

Câu 3: Nhóm các cây công nghiệp gồm

- A. chè, cà phê, hồ tiêu.
- B. bắp cải, ngô, khoai
- C. ngô, khoai, sắn
- D. chè, ngô, hồ tiêu

Câu 4: Loài động vật nào sau đây thuộc Lớp thú ?

- A. Cá sấu xiêm.
- B. Cá voi xanh.
- C. Cá chép.
- D. Cá mập.

Câu 5: Động vật có khả năng vừa sống ở nước vừa sống ở cạn, có da trần luôn ẩm ướt, hô hấp bằng da và phổi thuộc lớp động vật nào sau đây?

- A. Lớp thú
- B. Lớp lưỡng cư
- C. Các lớp cá
- D. Lớp chim

Câu 6: Loài động vật nào dưới đây là vật chủ trung gian truyền bệnh sốt xuất huyết?

- A. Éch đồng
- B. Trai sông
- C. Muỗi vằn
- D. Rắn ráo

Câu 7: Hình nào biểu diễn đúng lực do gió tác dụng vào thuyền?



Câu 8. Thành phần cấu tạo nào không phải của nấm

- A. Mũ nấm B. Thân nấm C. Rễ D. Sợi nấm

Câu 9. Trong các cây sau: na, cúc, cam, rau bợ, khoai tây. Có bao nhiêu cây được xếp vào nhóm thực vật không có hoa?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 10. Khi nói về rêu, nhận định nào dưới đây là chính xác?

- A. Cấu tạo đơn bào.
B. Chưa có rễ chính thức.
C. Không có khả năng hút nước.
D. Thân đã có mạch dẫn.

Câu 11. Trên Trái Đất, vùng nào dưới đây có số loài sinh vật đa dạng, phong phú nhất?

- A. Vùng nhiệt đới.
B. Vùng ôn đới.
C. Bắc Cực.
D. Nam Cực.

Câu 12. Bào tử đảm là cơ quan sinh sản của loại nấm nào sau đây?

- A. Nấm hương. B. Nấm bụng dê C. Nấm mốc. D. Nấm men.

Trắc nghiệm đúng/sai:

Câu 13 : Câu nào đúng ,câu nào sai ? (1 điểm)

- a. Oxygen là chất khí không màu ,không mùi ,không vị,ít tan trong nước
b. Cây thông sinh sản bằng bào tử
c. Khi đun nước sôi thì nước đã chuyển từ thể lỏng sang thể khí
d. Cá chép thuộc lớp lưỡng cư.

Câu trả lời ngắn :

Câu 14:Nêu 3 đặc điểm chính của chất rắn? (1 điểm)

Câu 15:Tại sao khi đun nước nắp ấm hay bật lên ?(1 điểm)

II. PHẦN TỰ LUẬN (4 điểm)

Câu 16(1,25đ): Vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học? Em hãy nêu các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học?

Câu 17(1,75đ): Kể tên các nhóm thực vật đã học. Sắp xếp các thực vật sau vào các nhóm ở trên: rau bợ, bèo vảy ốc , rêu, bách tán, tùng, thông, dương xỉ, pơ mu, kim giao, bạch đàn, bèo tấm, ngô, bao báp.

Câu 18(1đ): a. Em hãy nêu tên đơn vị đo lực? Khi ấn tay lên quả bóng bay, ta đã tác dụng lên vỏ quả bóng lực đẩy hay lực kéo?

b. Em hãy lấy hai ví dụ trong thực tế, khi đẩy hoặc kéo làm một vật đang đứng yên thì chuyển động.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 – 2025

Môn: KHTN – lớp 6

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (6 điểm).

Khoanh vào câu đúng (mỗi câu đúng được 0,25 đ)

1-A	2-B	3-A	4-B	5-B	6-C	7-A	8-C
9-A	10-B	11-A	12-C				

Câu 13 : (1 điểm)

a) Đ b) S c) Đ d) S

Câu trả lời ngắn: (2 điểm)

Câu 14:

- Các phân tử chất rắn liên kết chặt chẽ với nhau
- Chất rắn có hình dáng xác định
- Chất rắn có thể thay đổi hình dạng khi bị tác động nhưng không thay đổi thể tích

Câu 15: Khi đun nhiệt độ tăng lên, nước hóa hơi làm tăng áp suất trong ấm nên nắp ấm thường bật lên

II. PHẦN TỰ LUẬN (4 điểm)

Đáp án
<p>Câu 16: 1,25đ</p> <p>* Cần bảo vệ đa dạng sinh học vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bảo tồn đa dạng sinh học là bảo vệ nguồn tài nguyên sinh vật, giúp giữ gìn ổn định môi trường tự nhiên + Giúp đảm bảo sự phát triển bền vững của con người. <p>* Các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ, vườn quốc gia... + Ban hành luật bảo vệ đa dạng sinh học. + Tuyên truyền để nâng cao ý thức người dân về bảo tồn đa dạng sinh học.
<p>Câu 17: 1,75đ</p> <p>- Kể tên các nhóm thực vật đã học: $0,25đ + 0,125 \times 12 = 1,5đ$</p> <ul style="list-style-type: none"> + Rêu (TV không có mạch dẫn): rêu. + Dương xỉ (TV có mạch dẫn, không có hạt): rau bợ, dương xỉ, bèo vảy ốc. + Hạt trần (TV có mạch dẫn, có hạt, không có hoa): tùng, bách tán, thông. + Hạt kín (TV có mạch dẫn, có hạt, có hoa): pơ mu, kim giao, bạch đàn, bèo tấm, ngô, bao báp.
<p>Câu 18: 1đ</p> <p>a) - Đơn vị đo của lực là Niu tơn, kí hiệu là N</p> <p style="padding-left: 40px;">- Lực ấn lên quả bóng là lực đẩy</p> <p>b) - Đá bóng, đá cầu..</p> <p style="padding-left: 40px;">- Kéo co, con bò kéo xe</p>

MA TRẬN: ĐỀ KIỂM TRA MÔN KHTN LỚP 6 GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2024-2025

Chủ đề	MỨC ĐỘ	Tổng số
--------	--------	---------

	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		TN/số ý	
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	
a dạng nắm (2 tiết)		1		1						
a dạng thực vật(11	1	3	3	2	3				7	
a dạng động vật (10	2	3	4		2				8	
a dạng sinh học(6		2			1		4		4	
ực (7 tiết)	1	3	1	1	2				4	
Số câu	4	12	8	4	8	0	4	0	24	
Điểm số	1,0	3,0	2,0	1,0	2,0	0	1,0	0	6,0	
Tổng số điểm	4,0 điểm		3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm		10 điểm	

ĐỀ 9	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025 MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6
-------------	--

PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn: Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án trả lời.

Câu 1: Thực vật có vai trò gì đối với động vật?

- A. Cung cấp thức ăn.
- B. Ngăn biến đổi khí hậu.
- C. Giữ đất, giữ nước.
- D. Cung cấp thức ăn, nơi ở.

Câu 2: Thực vật góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường bằng cách:

- A. Giảm bụi và khí độc, tăng hàm lượng CO_2
- B. Giảm bụi và khí độc, cân bằng hàm lượng CO_2 và O_2
- C. Giảm bụi và khí độc, giảm hàm lượng O_2
- D. Giảm bụi và sinh vật gây bệnh, tăng hàm lượng CO_2

Câu 3. Loại cây nào dưới đây được dùng để làm thuốc ?

- A. Hoa sữa B. Sâm Ngọc Linh C. Cây rau muống D. Cây bắp cải

Câu 4: Nhóm động vật nào dưới đây gây hại cho nông nghiệp?

- A. Ốc bươu vàng, ốc sên, châu chấu, chuột đồng.
- B. Ốc bươu vàng, ong, châu chấu, chuột đồng.
- C. Ốc bươu vàng, ốc sên, châu chấu, chim sâu.
- D. Ốc sên, châu chấu, chuột đồng, cú mèo.

Câu 5. Vật trung gian truyền trùng sốt rét cho con người là

- A. Ruồi.
- B. Gián.
- C. Muỗi Anôphen.
- D. Chuột.

Câu 6: Ví dụ nào dưới đây nói về vai trò của động vật với tự nhiên?

- A. Động vật cung cấp nguyên liệu phục vụ cho đời sống
- B. Động vật có thể sử dụng để làm đồ mỹ nghệ, đồ trang sức
- C. Động vật giúp con người bảo vệ mùa màng
- D. Động vật giúp thụ phấn và phát tán hạt cây

Câu 7. Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào xuất hiện lực **không tiếp xúc?**

- A. Em bé đẩy cho chiếc xe đồ chơi rơi xuống đất.
- B. Gió thổi làm thuyền chuyển động.
- C. Cầu thủ đá quả bóng bay vào gôn.
- D. Quả táo rơi từ trên cây xuống.

Câu 8. Vợt bắt bướm được dùng để bắt các loài động vật nào?

- A. Bướm, ong, giun đất.
- B. Kiến, cào cào, chuồn chuồn.
- C. Bướm, cào cào, châu chấu.
- D. Châu chấu, tôm đồng, chim sâu.

Câu 9: Những loài động vật sống hoàn toàn dưới nước là:

- A. Cá chép, cá rô phi
- B. Cá heo, ếch đồng
- C. Cá sấu, ba ba
- D. Thằn lằn, rắn

Câu 10: Những loài động vật có khả năng bay là:

- A. Đà điểu, đại bàng, hải âu
- B. Ong, chim bồ câu, ếch giun
- C. Chim cánh cụt, châu chấu
- D. Bướm, ong, ve.

Câu 11. Quan sát hình dưới đây và cho biết, các bạn đã tác dụng lực gì vào dây thừng?



A. lực đẩy. B. lực nén. C. lực kéo. D. lực uốn.

Câu 12. Lực nào sau đây là lực tiếp xúc?

- A. Lực hút giữa Trái Đất và Mặt Trăng.
- B. Lực của nam châm hút thanh sắt đặt cách nó một đoạn.
- C. Lực của Trái Đất tác dụng lên bóng đèn treo trên trần nhà.
- D. Lực của quả cân tác dụng lên lò xo khi treo quả cân vào lò xo.

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng sai: Học sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13: Các phát biểu sau là đúng hay sai khi nói về thực vật không có mạch.

- a) Thực vật không có mạch có thể sinh sản bằng hạt.
- b) Thực vật không có mạch không có mạch dẫn.
- c) Thực vật không có mạch sống chủ yếu ở những nơi khô ráo.
- d) Rêu là một ví dụ của thực vật không có mạch.

Câu 14: Sau khi nghiên cứu về nhóm động vật không xương sống, bạn A có các phát biểu sau:

- a) Động vật không xương sống gồm các loài động vật cơ thể không có xương sống.
- b) Động vật không xương sống có cơ thể phân đốt.
- c) Chân khớp là một ngành thuộc nhóm động vật không xương sống.
- d) Tất cả động vật không xương sống đều sống trong môi trường nước.

Câu 15: Cho các phát biểu sau về lực:

- a) Lực có thể làm thay đổi tốc độ hoặc hướng chuyển động của vật.
- b) Lực không làm thay đổi hình dạng của vật.
- c) Lực không thể làm một vật đang đứng yên chuyển động.
- d) Lực có thể làm biến dạng vật khi tác dụng lên nó.

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn: Học sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19

Câu 16: Trong các cây sau: phong lan, rau bợ, rêu, hoa hồng, nhãn, thông, bưởi. Có bao nhiêu cây được xếp vào nhóm thực vật có hoa?

Câu 17: Một lực kế đo độ lớn của lực tác dụng lên một vật là 3,5 N. Tính độ lớn của lực đó.

Câu 18: Các lớp cá, được chia thành mấy lớp chính?

Câu 19: Lực tác dụng lên một thùng hàng có phương thẳng đứng và chiều từ dưới lên trên. Độ lớn của lực là **250 N**. Quy ước **1 cm = 50 N**, hãy tính độ dài mũi tên biểu diễn lực này.

Phần IV. Tự luận (3,0 điểm)

Câu 20 (0,75 điểm): Cho hình ảnh các loài động vật sau:

Em hãy cho biết chúng thuộc lớp nào trong nhóm động vật có xương sống ?



Câu 21 (0,75 điểm): Quan sát các thực vật dưới đây và xếp chúng vào các ngành đã học thuộc nhóm thực vật có mạch.



Cây dương xỉ



Cây thông và nón thông



Cây cam với quả cam

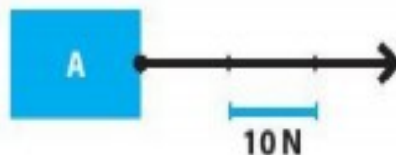
Hình 1. Ếch đồng

Hin

Câu 22 (0,75 điểm): Vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học? Là học sinh, em cần làm gì để góp phần bảo tồn đa dạng sinh học?

Câu 23 (0,75 điểm) :

Nêu phương, chiều và độ lớn của lực trong hình vẽ?



HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề số 1

PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp	D	B	B	A	C	D	D	C	A	D	C	D

án											
----	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng sai (3 điểm): Học sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai. Mỗi ý trả lời đúng được 0,25 điểm.

	a	b	c	d
Câu 13	Sai	Đúng	Sai	Đúng
Câu 14	Đúng	Sai	Đúng	Sai
Câu 15	Đúng	Sai	Sai	Đúng

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn (1 điểm): Học sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19. Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu 16: 4 loài

Câu 17: 3,5 N

Câu 18: 2 lớp

Câu 19: 2,5 cm

Phần IV. Tự luận (3,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 20 (0,75 điểm)	- Hình 1. Lớp lưỡng cư - Hình 2. Lớp bò sát - Hình 3. Lớp thú	0,25 0,25 0,25
Câu 21 (0,75 điểm)	- Cây dương xỉ thuộc ngành dương xỉ - Cây thông thuộc ngành hạt trần - Cây cam thuộc ngành hạt kín	0,25 0,25 0,25
Câu 22 (0,75 điểm)	a) Cần bảo vệ đa dạng sinh học vì: - Đa dạng sinh học có vai trò quan trọng đối với tự nhiên và cuộc sống của con người. b) Những việc làm góp phần bảo tồn đa dạng sinh học: - Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường (trồng cây xanh, không vứt rác bừa bãi ...) - Tuyên truyền nâng cao ý thức người dân về bảo tồn đa dạng sinh học	0,25 0,25 0,25
Câu 23 (0,75 điểm)	Lực biểu diễn trong hình vẽ: - Phương: nằm ngang - Chiều: từ trái sang phải - Độ lớn: 30 N	0,25 0,25 0,25

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2 MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa học kì 2
- **Thời gian làm bài:** 60 phút.
- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận).

- Cấu trúc:

+ Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng; 0% Vận dụng cao.

+ Phần trắc nghiệm: 7,0 điểm gồm 3 dạng câu hỏi

Dạng 1: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Dạng 2: Trắc nghiệm đúng - sai

Dạng 3: Trắc nghiệm trả lời ngắn

+ Phần tự luận: 3,0 điểm (Nhận biết: 0 điểm; Thông hiểu: 0 điểm; Vận dụng: 3,0 điểm; Vận dụng cao: 0 điểm).

+ Nội dung kiểm tra:

Từ bài 34 - Thực vật đến hết bài 42 - Biến dạng của lò xo

Nội dung kiến thức	MỨC ĐỘ							
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao	
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Đa dạng thực vật (7 tiết) Bài 34: Thực vật (4 tiết) Bài 35: TH- Quan sát và phân biệt một số nhóm thực vật (3 tiết)		4		4	1			
2. Đa dạng động vật (7 tiết) Bài 36: Động vật (4 tiết) Bài 37: TH Quan sát và nhận biết một số nhóm động vật ngoài thiên nhiên (3 tiết)		4		4	1			
3. Đa dạng sinh học (3 tiết)					1			
4. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên (3 tiết)		3						
5. Lực trong đời sống (7 tiết) Bài 40: Lực là gì? (2 tiết) Bài 41: Biểu diễn lực (2 tiết) Bài 42: Biến dạng của lò xo (3 tiết)		5		4	1			
Số câu	0	16	0	12	4	0	0	0
Điểm số	0	4,0	0	3,0	3,0	0	0	0
Tổng số điểm	4,0 điểm		3,0 điểm		3,0 điểm		0 điểm	

BẢN ĐẶC TẢ KHTN6

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (câu số)	TN (Câu số)
1. Đa dạng thực vật						
- Sự đa dạng. - Thực hành.	Nhận biết	- Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...).		4		Câu 1, 2, 3, 16, (Đề 1) C13a, b, c, d (Đề 2)
	Thông hiểu	- Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín).		4		Câu 13a, b, c, d. (Đề 1) C1, 2, 3, 16 (Đề 2)
	Vận dụng	Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học.	1		Câu 21 (Đề 1) C20 (Đề 2)	
3. Đa dạng động vật						
Sự đa dạng. - Thực hành.	Nhận biết	Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống. - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.		4		Câu 4, 5, 6, 18 (Đề 1) C4, 5, 6, 17 (Đề 2)
	Thông hiểu	- Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa.		4		Câu 14a, b, c, d

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (câu số)	TN (Câu số)
	Vận dụng	Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên.	1		Câu 20 (Đề 1) Câu 21 (đề 2)	
4. Đa dạng sinh học						
	Nhận biết	Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, ...				
	Vận dụng	Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học.	1		C22 (Đề 1) C22 (Đề 2)	
5. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.						
	Nhận biết	- Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...).		3		Câu 8,9,10
	Thông hiểu	- Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật.				
		- Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên.				
	Vận dụng	- Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống).				
		Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên; quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.				
6. Lực trong đời sống						
	Nhận					

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi					
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (câu số)	TN (Câu số)				
	biết	- Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo.		5		Câu 7, 11, 12, 17, 19 (đề 1)				
		- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật								
		- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ.								
		- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động.								
		- Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc.								
		- Lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc.								
		- Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực.								
		- Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc.								
		Nêu được khái niệm lực ma sát trượt ; lực ma sát nghỉ								
		Nêu được lực ma sát là lực tiếp xúc xuất hiện ở bề mặt tiếp xúc giữa hai vật								
		Lấy ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát nghỉ								
		Lấy ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát trượt								
		Nêu được tác dụng cản trở và tác dụng thúc đẩy chuyển động của lực ma sát								
		Sử dụng tranh ảnh, hình vẽ, học liệu điện tử để nêu được : sự tương tác giữa bề mặt của hai vật tạo ra lực ma sát giữa chúng								
		Nêu được khái niệm về khối lượng (số đo lượng chất của một vật)								
		Nêu được khái niệm lực hấp dẫn (lực hút giữa các vật có khối lượng)								
							Nêu được khái niệm trọng lượng của vật (độ lớn lực hút của trái đất tác dụng lên vật)			
		Thông hiểu					- Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ		4	

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (câu số)	TN (Câu số)
		lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy. Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số)				<i>c, d</i>
	Vận dụng	- Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật trong thực tế và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp đó.	<i>l</i>		<i>Câu 23</i>	

ĐỀ 10**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2024-2025****MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6****PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn:****Câu 1.** Đặc điểm nào sau đây **không** phải đặc điểm của rêu?

- A. Rễ giả là những sợi nhỏ. B. Thân, lá có mạch dẫn.
C. Cơ quan sinh sản nằm ở ngọn cây. D. Sinh sản bằng bào tử.

Câu 2. Đặc điểm nào dưới đây **không** phải của các thực vật thuộc ngành Hạt kín?

- A. Sinh sản bằng bào tử.
B. Hạt nằm trong quả.
C. Có hoa và quả.
D. Thân có hệ mạch dẫn hoàn thiện.

Câu 3. Trong những nhóm cây sau đây, nhóm gồm các cây thuộc ngành Hạt kín là?

- A. Cây dương xỉ, cây hoa hồng, cây ổi, cây rêu.
B. Cây bưởi, cây táo, cây hồng xiêm, cây lúa.
C. Cây nhãn, cây hoa ly, cây bào tằm, cây vạn tuế.
D. Cây thông, cây rêu, cây lúa, cây vạn tuế.

Câu 4. Bệnh lỵ do tác nhân nào gây nên?

- A. Giun đũa. B. Ấu trùng sán dây lợn.
C. Sán lá gan. D. Giun kim.

Câu 5. Tại sao cây mọc ở nơi râm mát thân thường vươn cao, cành tập trung ở ngọn?

- A. Để nhận được nhiều ánh sáng. B. Để dự trữ nước.
C. Để hút sương đêm. D. Để hạn chế sự thoát hơi nước.

Câu 6. Tập hợp các loài nào sau đây thuộc lớp Động vật có vú (Thú)?

- A. Tôm, muỗi, lợn, cừu. B. Bò, châu chấu, sư tử, voi.
C. Gấu, mèo, dê, cá heo. D. Cá voi, vịt trời, rùa, thỏ.

Câu 7. Cơ thể dẹp, đối xứng 2 bên là đặc điểm của ngành động vật nào sau đây?

- A. Ruột khoang. B. Giun dẹp. C. Giun đốt. D. Thân mềm.

Câu 8. Giới thực vật gồm các ngành chính là:

- A. Rêu, dương xỉ, hạt trần, hạt kín.
- B. Rêu tường, dương xỉ, thông, mít.
- C. Hạt trần, thực vật có hoa thực vật không có hoa.
- D. Thực vật có hoa, thực vật không có hoa.

Câu 9. Động vật gồm các nhóm lớn:

- A. Động vật có xương sống, thân mềm.
- B. Lưỡng cư, bò sát, thú.
- C. Các ngành giun, ruột khoang, cá.
- D. Động vật có xương sống và động vật không xương sống.

Câu 10.Ếch thuộc lớp động vật nào?

- A. Cá.
- B. Lưỡng cư.
- C. Bò sát.
- D. Thú.

Câu 11. Sự đa dạng của động vật thể hiện rõ nhất ở

- A. cấu tạo cơ thể và số lượng loài.
- B. số lượng loài và môi trường sống.
- C. môi trường sống và hình thức dinh dưỡng.
- D. hình thức dinh dưỡng và hình thức di chuyển.

Câu 12. Khi một quả bóng đập xuống sân bóng thì sân tác dụng lực lên quả bóng sẽ gây ra những kết quả gì?

- A. Chỉ làm thay đổi chuyển động của quả bóng.
- B. Chỉ làm biến dạng quả bóng.
- C. Vừa làm biến dạng quả bóng, vừa làm thay đổi chuyển động của nó.
- D. Không làm biến dạng và cũng không làm thay đổi chuyển động của quả bóng.

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng sai:

Câu 13. Rêu là một loại thực vật sống ở môi trường đặc biệt và có cơ chế dinh dưỡng riêng biệt. Hãy xác định các nhận định sau:

- a. Rêu thường sống ở nơi ẩm ướt và thiếu ánh sáng.
- b. Cơ quan dinh dưỡng của rêu bao gồm rễ, thân, và lá thật sự giống như cây có hoa.
- c. Rêu không thể sống ở nơi khô hạn có ánh nắng chiếu trực tiếp vì chúng cần môi trường ẩm ướt để phát triển.
- d. Rêu hút nước và chất dinh dưỡng chủ yếu qua bề mặt cơ thể như lá thay vì rễ.

Câu 14. Xác định các phát biểu sau là đúng hay sai về lực không tiếp xúc.

- a. Lực đẩy của tay người lên cánh cửa sổ khi mở cửa là một lực không tiếp xúc.
- b. Lực của chân người tác dụng lên bậc thang khi đi bộ là một lực không tiếp xúc.
- c. Lực hút của Trái Đất tác dụng lên máy bay là một lực không tiếp xúc.
- d. Lực của gió tác dụng lên cánh điều là một lực không tiếp xúc.

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn:

Câu 15. Dựa vào sự đa dạng thực vật để trả lời các câu hỏi sau:

- a. Ổ dương xỉ, ổ túi bào tử thường nằm ở đâu?
- b. Rễ, thân, lá phát triển đa dạng; có hoa, quả, hạt; hạt nằm trong quả là đặc điểm của ngành thực vật nào?

Câu 16. Dựa vào sự đa dạng động vật để trả lời các câu hỏi sau:

- a. Cá heo là đại diện của nhóm động vật nào?
- b. Vật chủ trung gian truyền bệnh sốt rét là loài động vật nào?
- c. Dựa vào đặc điểm nào để có thể phân biệt nhóm Động vật không xương sống và Động vật có xương sống?

d. Cơ thể đối xứng tỏa tròn, khoang cơ thể thông với bên ngoài lỗ mở ở phần trên gọi là miệng là đặc điểm của ngành nào?

Câu 17. Dựa vào các kiến thức về lực trả lời các câu hỏi sau:

- Muốn đo lực ta dùng dụng cụ nào?
- Khi người thợ bắt đầu kéo thùng hàng từ dưới đất lên sàn ô tô, người thợ đó đã tác dụng vào thùng hàng một lực gì?

PHẦN IV: Tự luận. Viết câu trả lời hoặc lời giải cho bài tập sau

Câu 18. Rau sống, gỏi cá, tiết canh... là những món ăn sống, tái mà con người thường xuyên ăn, nhưng không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm nên có nguy cơ mắc bệnh cao. Em hãy cho biết:

- Các bệnh có thể mắc khi ăn các loại thức ăn trên là gì?
- Hậu quả và các biện pháp phòng tránh?

Câu 19. Sắp xếp các loài thực vật: rêu tường, lúa, đậu tương, bèo ong, hoa hồng, vạn tuế, bưởi, thông vào các ngành thực vật phù hợp theo mẫu của bảng sau:

Ngành	Rêu	Dương xỉ	Hạt trần	Hạt kín
Loài				

Câu 20. Nêu một ví dụ về lực tác dụng lên một vật làm vật thay đổi chuyển động?

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II

NĂM HỌC 2024 – 2025

Môn: KHTN – lớp 6

PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	B	B	A	A	C	B	A	D	B	B	D

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng sai:

Câu	13	14
a)	Đ	S
b)	S	S
c)	Đ	Đ
d)	Đ	S

Chú ý: Mỗi câu làm đúng 1 ý chỉ được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25 điểm, đúng 3 ý được 0,5 điểm và đúng cả 4 ý thì được 1 điểm.

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn: (mỗi ý đúng 0,25 điểm)

Câu 15.

- Mặt dưới của lá
- Hạt kín

Câu 16.

- Thú
- Muỗi anophen
- Xương cột sống
- Ruột khoang

Câu 17.

- a. Lực kế
b. Lực kéo

PHẦN IV: Tự luận. Viết câu trả lời hoặc lời giải cho các bài tập sau

	Nội dung					Điểm	
Câu 18	a. Ăn các đồ tái, sống dễ dẫn đến các bệnh do giun, sán và vi khuẩn gây nên.					0,5	
	b.					0,5	
	- Hậu quả: Gây viêm nhiễm nơi kí sinh, tắc ruột, tắc mật, tắc ống tụy...gây chứng thiếu máu, giảm protein trong máu kèm theo rối loạn tim mạch...nặng có thể dẫn đến tử vong.						0,25
	- Biện pháp:						
	+ Giữ gìn vệ sinh cơ thể và môi trường sống.						
	+Ăn uống khoa học, hợp vệ sinh.						
	+Tẩy giun sán định kỳ 1-2 lần/năm.					0,25	
Câu 19	Ngành	Rêu	Dương xỉ	Hạt trần	Hạt kín	Mỗi ý đúng 0,25	
	Loài	Rêu tường	Bèo ong	Vạn tuế, thông	Lúa, đậu tương, hoa hồng, bưởi		
Câu 20	Một học sinh đá quả bóng đang nằm im trên sân làm bóng lăn đi.					0,25	

KHUNG MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KHẢO SÁT GIỮA HỌC KÌ II
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6

a) Khung ma trận

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa học kì 2.

- **Thời gian làm bài:** 60 phút.

- **Hình thức kiểm tra:** 70% trắc nghiệm, 30% tự luận

- **Cấu trúc:**

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.

- Phần trắc nghiệm gồm 3 phần

+ Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3 điểm). (4 phương án chọn 1 đáp án đúng) gồm 12 câu; mỗi câu đúng 0,25 điểm.

+ Phần II: Câu trắc nghiệm đúng, sai (2 điểm). Gồm 2 câu, mỗi câu gồm 4 ý a, b, c, d. Chọn “Đúng” hoặc “Sai”. Trong một câu đúng 1 ý chỉ được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25 điểm, đúng 3 ý được 0,5 điểm và đúng cả 4 ý được 1 điểm.

+ Phần III: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn (2 điểm). Gồm 3 câu đúng mỗi ý 0,25 điểm.

- Phần tự luận gồm 3 câu

+ Phần IV: Tự luận (3 điểm)

(Chú thích các kí hiệu trong khung ma trận và bản đặc tả: PA là trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (4 phương án chọn 1 đáp án đúng); ĐS là trắc nghiệm lựa chọn đúng, sai; TLN là trắc nghiệm trả lời ngắn)

T	Chủ đề/ Chương	Nội dung/	Mức độ đánh giá
T			

		đơn vị kiến thức	TNKQ									
			Nhiều lựa chọn			“Đúng - Sai”			Trả lời ngắn			
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết
1	Đa dạng thế giới sống (22 tiết)		1,0	1,0	0,75	0,5	0,25	0,25	0,75	0,25	0,5	0,75
2	Lực (5 tiết)			0,25		0,5	0,25	0,25	0,25		0,25	0,25
Tổng số câu/Số ý			4	5	3	4	2	2	4	1	3	4
Tổng số điểm			3,0			2,0			2,0			
Tỉ lệ %			30%			20%			20%			

b) Bản đặc tả

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
1.	Đa dạng thế giới sống	1. Đa dạng thực vật: <ul style="list-style-type: none"> - Sự đa dạng. - Thực hành. 	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống con người và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...). Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín). Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân loại chúng thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại học.
		2. Đa dạng động vật: <ul style="list-style-type: none"> - Sự đa dạng. - Thực hành. 	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống con người. - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình. - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
			<p>tên một số con vật điển hình.</p> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được hai nhóm động vật không xương có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên.
		3. Vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên.	<p>Nhận biết:</p> <p>Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, ...)</p>
		4. Bảo vệ đa dạng sinh học	<p>Vận dụng:</p> <p>Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học và tầm quan trọng của thông hiểu)</p>
		5. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...). <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại nhóm sinh vật. - Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật và động vật ngoài thiên nhiên. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính hiển vi, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận. - Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống). - Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.
2.	Lực	1. Lực và tác dụng của lực	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo.

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
			<ul style="list-style-type: none"> - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi chuyển động. - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng. Thông hiểu <ul style="list-style-type: none"> - Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng kéo hoặc đẩy. - Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế (thực hiện đúng tác, không yêu cầu tìm sai số).
		2. Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc	Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> - Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc. - Lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc. - Nêu được: Lực tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực. - Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực.

**MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6**

Chủ đề	Mức độ đánh giá							
	Trắc nghiệm khách quan						Tự luận	
	Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời	
	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu
<i>1</i>	2	3		4	5	6	7	8
1. Đa dạng nguyên sinh vật (2 tiết)	2			2				
2. Đa dạng nấm (4 tiết)	2							
3. Đa dạng thực vật (6 tiết)	2			2	2		1	
4. Đa dạng động vật (6 tiết)	2	2		2	1			
5. Đa dạng sinh học trong tự nhiên (6 tiết)	2	1					3	

Chủ đề	Mức độ đánh giá							
	Trắc nghiệm khách quan						Tự luận	
	Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời	
	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu
<i>l</i>	2	3		4	5	6	7	8
Số câu TN/ số ý TL	10	3		6	3		4	
Điểm số	2,5	1,5		1,5	1,5		2,0	
Tổng số điểm	4,0 điểm			3,0 điểm		2,0 điểm		1,0

**BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6**

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt
1. Đa dạng Nguyên sinh vật		
<ul style="list-style-type: none"> - Sự đa dạng nguyên sinh vật. - Một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên. 	Nhận biết	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên nguyên nhân, triệu chứng, tác hại - Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...).
	Thông hiểu	<ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật. - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra.
	Vận dụng	Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi.
2. Đa dạng nấm		
<ul style="list-style-type: none"> - Sự đa dạng của nấm - Vai trò của nấm - Một số bệnh do nấm gây ra 	Nhận biết	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số bệnh do nấm gây ra - Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). - Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm. - Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...).
	Vận dụng:	Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp)
	Vận dụng cao:	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra. Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ...
3. Đa dạng Thực vật		
<ul style="list-style-type: none"> - Sự đa dạng. - Thực hành. 	Nhận biết	- Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...).
	Thông hiểu	- Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín).
	Vận dụng	Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học.
4. Đa dạng động vật		
<ul style="list-style-type: none"> - Sự đa dạng. - Thực hành. 	Nhận biết	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống. - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gợi được tên một số con vật điển hình
	Thông hiểu	- Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa.
	Vận dụng	Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên.
5. Đa dạng sinh học trong tự nhiên.		

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng sinh học là gì? - vai trò của Đa dạng sinh học - Tìm hiểu SV ngoài thiên nhiên 	Nhận biết:	Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, ...)
	Vận dụng	Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học.
	Vận dụng cao	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận. - Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cá bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...). - Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật

PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án trả lời Lựa chọn đáp án đúng nhất

Câu 1. Trùng sốt rét gây nên bệnh gì?

- A. Bệnh sốt xuất huyết
B. Bệnh kiết lỵ
C. Bệnh thiếu máu
D. Bệnh sốt rét

Câu 2: Bệnh kiết lỵ lây truyền theo đường nào?

- A. Đường tiêu hóa
B. Đường hô hấp
C. Đường tiếp xúc
D. Đường máu

Câu 3: Biện pháp nào sau đây không giúp chúng ta tránh bị mắc bệnh sốt rét?

- A. Phát quang bụi rậm
B. Diệt muỗi, diệt bọ gậy
C. Mặc màn khi đi ngủ
D. Mặc đồ sáng màu để tránh bị muỗi đốt

Câu 4. Cách phòng bệnh kiết lỵ

- A. Ngủ phải mặc màn
B. Vệ sinh ăn uống
C. Ngủ đủ giấc
D. Phát quang bụi rậm

Câu 5. Sự đa dạng của nấm thể hiện như thế nào?

- A. Nấm có vai trò quan trọng đối với tự nhiên và con người
B. Nấm có nhiều hình dạng khác nhau
C. Nấm có nhiều kích thước khác nhau
D. Nấm gồm nhiều loại, có hình dạng và kích thước khác nhau

Câu 6. Trong tự nhiên, nấm có vai trò gì?

- A. Phân hủy chất thải động vật và xác sinh vật
B. Cung cấp thức ăn
C. Lên men bánh, bia, rượu...
D. Dùng làm thuốc

Câu 7: Thực vật có vai trò gì đối với động vật?

- A. Ngăn biến đổi khí hậu
B. Cung cấp thức ăn
C. Giữ đất, giữ nước
D. Cung cấp thức ăn, nơi ở

Câu 8. Thực vật có vai trò gì đối với đời sống con người?

- A. bảo vệ đất, nguồn nước, hạn chế thiên tai...
B. Góp phần ổn định hàm lượng khí oxygen và cacbon dioxide
C. Cung cấp lương thực, thực phẩm, đồ dùng, thuốc...
D. Góp phần làm giảm nhiệt độ môi trường, điều hoà khí hậu.

Câu 9. Cây cam có những đặc điểm đặc trưng nào sau đây.

- A. Không có mạch
B. Có mạch dẫn và không có hạt
C. Có mạch dẫn, có hạt trần
D. Có mạch dẫn và có hạt kín

Câu 10. Cây thông có những đặc điểm đặc trưng nào sau đây.

- A. Không có mạch
B. Có mạch dẫn và không có hạt
C. Có mạch dẫn, có hạt trần
D. Có mạch dẫn và có hạt kín

Câu 11. Nhóm động vật nào sau đây thuộc động vật không xương sống

- A. Trùng giày, thủy tức, sán lá gan, giun kim, giun đất
B. Mèo, cá chép, ếch, bò câu, thằn lằn bóng

- C. Mèo, giun đất, cá chép, trùng roi, châu chấu
D. Trùng biến hình, cá rô, cá sấu, bạch tuộc, trai sông

Câu 12: Động vật có xương sống bao gồm:

- A. Thân mềm, lưỡng cư, bò sát, chim, thú C. Cá, lưỡng cư, bò sát, ruột khoang, thú
B. Cá, chân khớp, bò sát, chim, thú D. Cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng sai: Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13: Theo em thực vật có vai trò gì đối với đời sống con người? .

- A. Cung cấp nguồn thực phẩm dồi dào
B. Làm tăng trưởng nền kinh tế
C. Được dùng làm dược liệu trong chữa bệnh
D. Làm tăng thu nhập bình quân đầu người của một quốc gia

Câu 14: Trong số các phát biểu sau, theo em, phát biểu nào đúng, phát biểu nào sai?

- A. Ở nơi có ít thực vật thì nhiệt độ cao
B. Ở nơi có ít thực vật thì độ ẩm cao
C. Ở nơi có nhiều thực vật thì nhiệt độ cao
D. Ở nơi có nhiều thực vật thì gió thổi yếu

Câu 15: Động vật được phân loại thành những nhóm nào sau đây

- A. Động vật không xương sống
B. Động vật ruột khoang
C. Động vật có xương sống
D. Động vật chân khớp

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn: Thí sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19

Câu 16: Đặc điểm cơ bản nhất để phân biệt nhóm động vật có xương sống với nhóm động vật không xương sống là?

Câu 17: Ở những nơi khô hạn, có nắng chiếu trực tiếp thì rêu có sống được không? Vì sao?

Câu 18: Nêu dấu hiệu nhận biết một số đại diện ngành thực vật thông qua đặc điểm hình thái.

Câu 19: Kể tên các ngành thực vật em đã học? Lấy ví dụ?

PHẦN IV: Tự luận. Viết câu trả lời hoặc lời giải cho các bài tập sau

Câu 20 : (1 điểm) Trình bày cách phòng chống bệnh do nấm gây ra. Giải thích vì sao khi mua đồ ăn, thức uống, chúng ta phải quan tâm đến màu sắc và hạn sử dụng của thực phẩm?

Câu 21: (1 điểm) Khi ăn thực phẩm chưa được nấu chín kĩ sẽ ảnh hưởng như thế nào tới sức khỏe? Lấy ví dụ minh họa. Nêu các biện pháp phòng bệnh giun sán.

Câu 22: (1 điểm) Đa dạng sinh học có vai trò như thế nào đối với tự nhiên và đối với đời sống con người? Chúng ta cần phải làm gì để bảo vệ đa dạng sinh học?

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 NĂM HỌC 2024 – 2025
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12 (Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm)

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6
D	A	D	B	D	A
Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10	Câu 11	Câu 12
D	C	D	C	A	D

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

- Thí sinh lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.

Câu 13:

a) Đúng	b) Sai	c) Đúng	d) Sai
---------	--------	---------	--------

Câu 14:

a) Đúng	b) Sai	c) Đúng	d) Sai
---------	--------	---------	--------

Câu 15:

a) Đúng	b) Sai	c) Sai	d) Sai
---------	--------	--------	--------

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19 Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm

Câu 16: Dựa vào việc có hay không có xương sống mà người ta có thể phân chia động vật thành hai ngành chính là ngành động vật không xương sống và ngành động vật có xương sống.

Câu 17: Ở những nơi khô hạn, có nắng chiếu trực tiếp thì rêu không sống được. Vì rêu chỉ sống được ở môi trường ẩm ướt, ít ánh sáng.

Câu 18: Dấu hiệu nhận biết đại diện ngành thực vật thông qua đặc điểm hình thái:

- Cơ quan sinh sản: hoa, quả, bào tử.
- Vị trí của hạt: bên trong hay bên ngoài.

Câu 19: Có 5 ngành Thực vật đã được học: Rêu, Dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín.

- Ngành Rêu: Rễ giả, lá nhỏ hẹp, có bào tử; sống ở nơi ẩm ướt
- Ngành Dương xỉ: rễ thật, lá đa dạng; sống ở các nơi khác nhau, có bào tử.
- Ngành Hạt trần: rễ thật, lá đa dạng; sống ở các nơi khác nhau; sinh sản bằng hạt dưới dạng nón.
- Ngành Hạt kín: rễ thật, lá đa dạng; sống ở các nơi khác nhau; sinh sản bằng hạt nhưng có hoa, và hạt được bảo vệ trong quả.

PHẦN IV. Thí sinh trả lời từ câu 20 đến câu 22

Câu	Đáp án	Điểm
20	Để đề phòng bệnh nấm da cần: vệ sinh da sạch sẽ, da luôn được thoáng mát. Không mặc chung quần áo, không dùng chung khăn mặt, khăn tắm, không dùng chung chăn, gối và không ngủ chung giường với người đang bị bệnh nấm da. Mếu đã mắc các bệnh nấm da cần đến khám bác sĩ. Không nên tự mua thuốc về điều trị không những bệnh không khỏi mà còn làm bệnh nặng thêm. Khi mua đồ ăn, thức uống, chúng ta phải quan tâm đến màu sắc và hạn sử	0.25 0.25

	dụng của thực phẩm vì khi chúng có màu sắc bất thường hay quá hạn sử dụng, rất dễ chứa nấm mốc độc hại ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người khi ăn phải.	0.5
21	*Khi ăn thực phẩm chưa được nấu chín kĩ sẽ ảnh hưởng tới sức khỏe: <i>có khả năng bị ngộ độc thực phẩm, nhiễm các loại giun sán...</i>	0.25
	<i>Ví dụ:</i> + <i>Gỏi:</i> Gỏi là món ăn được làm từ hải sản tươi sống ướp nước chanh. Giống như sushi, món ăn này có thể chứa vi khuẩn và kí sinh trùng gây ngộ độc. + <i>Thịt tái:</i> Thịt bò hoặc thịt gà tái là các loại thịt được ăn khi chưa nấu chín. Thịt sống là các món có nguy cơ gây ngộ độc thực phẩm cao nhất do có chứa nhiều loại vi khuẩn như E.coli.	0.25
	*Các biện pháp phòng bệnh giun sán. - Cần tẩy giun định kỳ 6 tháng một lần (ít nhất 2 lần trong năm). - Giữ vệ sinh cá nhân, rửa tay trước khi ăn và sau khi đi đại tiện, không nghịch bẩn, thường xuyên tắm rửa, không đi chân đất, không để trẻ bò lê la dưới đất. Cắt móng tay, đi dép thường xuyên, bảo hộ lao động khi tiếp xúc với đất. - Thực hiện ăn chín, uống sôi, ăn các thức ăn đã được nấu chín kỹ, chế biến hợp vệ sinh. - Không sử dụng thịt lợn ốm để chế biến thực phẩm. Không ăn tiết canh, thịt lợn tái, các loại gỏi cá, nem chua sống, thịt bò tái, đối với các loại rau sống cần phải ngâm rửa kỹ trước khi ăn. - Không để ruồi nhặng bâu vào thức ăn. Không để chó, lợn, gà... tha phân gây ô nhiễm môi trường. - Người mắc bệnh giun, sán cần phải được khám và điều trị triệt để theo đúng phác đồ của Bộ Y tế.	0.5
22	* Đa dạng sinh học có vai trò quan trọng trong duy trì sự sống của con người và mọi sinh vật khác + Cung cấp nguồn nguyên liệu công nghiệp, lương thực thực phẩm, nhiều loại thuốc quý hiếm để bảo vệ cho sức con người. + Tạo vẻ đẹp phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí của con người. + Nhiều khu rừng phòng hộ giúp người dân ngăn được sạt lở đất và lũ quét kéo về, vừa làm sạch, thoáng mát môi trường đang ngày càng bị con người làm ô nhiễm. + ...	0.5
	☞ * Là học sinh, để bảo vệ đa dạng sinh học, cần làm: Tuân theo các biện pháp và tuyên truyền các biện pháp này cho người thân, hàng xóm để bảo vệ sự đa dạng thực vật ở địa phương.	0.5
	☞ Tham gia bảo vệ, chăm sóc và trồng cây xanh ở trường, địa phương.	
	☞ Không chặt phá bừa bãi cây xanh	
	☞ Không vứt rác bừa bãi, thường xuyên dọn dẹp sạch sẽ môi trường sống	